

**BỘ NGOẠI GIAO  
HỌC VIỆN NGOẠI GIAO**



**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2022**

**Hà Nội, tháng 06 năm 2022**

## MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....	<b>1</b>
1. TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO .....	1
2. MÃ TRƯỜNG .....	3
3. ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ .....	3
4. ĐỊA CHỈ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ .....	3
5. ĐỊA CHỈ CÁC TRANG MẠNG XÃ HỘI .....	3
6. SỐ ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ TUYỂN SINH .....	3
7. TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP .....	3
8. THÔNG TIN VỀ TUYỂN SINH CHÍNH QUY CỦA 02 NĂM GẦN NHẤT .....	3
8.1. Phương thức tuyển sinh của 02 năm gần nhất .....	3
8.2. Điểm trúng tuyển của 02 năm gần nhất .....	4
9. THÔNG TIN DANH MỤC NGÀNH ĐƯỢC PHÉP ĐÀO TẠO .....	5
10. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG .....	6
10.1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy (người học) .....	6
10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu .....	6
10.3. Danh sách giảng viên .....	7
10.3.1. Số lượng giảng viên Học viện Ngoại giao tham gia giảng dạy trình độ đại học .....	7
10.3.2. Số lượng giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy trình độ đại học .....	7
<b>II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY</b> .....	<b>8</b>
1. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH .....	8
2. PHẠM VI TUYỂN SINH .....	8
3. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH .....	8
4. NGUYÊN TẮC XÉT TUYỂN .....	8
5. CHÍNH SÁCH VỀ ĐIỂM ƯU TIÊN CỦA HỌC VIỆN .....	9
5.1. Điểm ưu tiên theo quy định của Học viện .....	9
5.2. Nguyên tắc cộng điểm ưu tiên .....	9
5.3. Mức điểm cộng ưu tiên .....	9
6. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH .....	13
7. NGŨƠNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐẦU VÀO .....	15
8. CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN .....	15
8.1. XÉT TUYỂN THẲNG VÀ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - Mã phương thức xét tuyển 301 .....	15
8.1.1. Chỉ tiêu xét tuyển .....	15
8.1.2. Đối tượng xét tuyển thẳng .....	15
8.1.3. Đối tượng ưu tiên xét tuyển .....	16
8.1.4. Quy trình nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định của Học viện Ngoại giao .....	17
8.2. XÉT TUYỂN SỚM DỰA TRÊN KẾT QUẢ HỌC TẬP THPT - Mã phương thức xét tuyển 200 .....	18
8.2.1. Chỉ tiêu .....	18

8.2.2. Đối tượng xét tuyển.....	18
8.2.3. Điểm xét tuyển.....	19
8.2.4. Tiêu chí phụ xét tuyển.....	20
8.2.5. Quy trình nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển sớm theo quy định của Học viện Ngoại giao.....	20
<b>8.3. XÉT TUYỂN SỚM DỰA TRÊN KẾT QUẢ HỌC TẬP THPT VÀ PHÒNG VẤN - Mã phương thức xét tuyển 414.....</b>	<b>21</b>
8.3.1. Chỉ tiêu.....	21
8.3.2. Đối tượng xét tuyển.....	21
8.3.3. Điểm xét tuyển.....	21
8.3.4. Tiêu chí phụ xét tuyển.....	22
8.3.5. Quy trình nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển sớm theo quy định của Học viện Ngoại giao.....	23
<b>8.4. XÉT TUYỂN SỚM DỰA TRÊN KẾT QUẢ PHÒNG VẤN - Mã phương thức xét tuyển 412.....</b>	<b>23</b>
8.4.1. Chỉ tiêu.....	23
8.4.2. Đối tượng xét tuyển.....	23
8.4.3. Điểm xét tuyển.....	24
8.4.4. Tiêu chí phụ xét tuyển.....	24
8.4.5. Quy trình nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển sớm theo quy định của Học viện Ngoại giao.....	25
<b>8.5. XÉT TUYỂN DỰA TRÊN KẾT QUẢ KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022 - Mã phương thức xét tuyển 100.....</b>	<b>25</b>
8.5.1. Chỉ tiêu.....	25
8.5.2. Đối tượng xét tuyển.....	25
8.5.3. Điểm xét tuyển.....	25
8.5.4. Tiêu chí phụ xét tuyển.....	26
8.5.5. Tổ chức xét tuyển.....	26
8.5.6. Công bố kết quả xét tuyển.....	26
<b>9. TỔ CHỨC TUYỂN SINH.....</b>	<b>26</b>
<b>10. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC ĐỂ THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO CÁC NGÀNH CỦA HỌC VIỆN.....</b>	<b>30</b>
10.1. Thông tin về các ngành của Học viện.....	30
10.2. Mã phương thức xét tuyển, Chỉ tiêu theo từng phương thức xét tuyển.....	31
10.3. Phương thức đào tạo.....	31
<b>11. LỆ PHÍ XÉT TUYỂN.....</b>	<b>34</b>
<b>12. CHÍNH SÁCH HỌC PHÍ VÀ HỌC BỔNG.....</b>	<b>34</b>
12.1. Chính sách học phí.....	34
12.2. Chính sách học bổng và hỗ trợ tài chính.....	35
<b>13. THÔNG TIN LIÊN HỆ GIẢI ĐÁP THẮC MẮC TRONG QUÁ TRÌNH ĐĂNG KÝ DỰ THI, ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC.....</b>	<b>37</b>

<b>14. TUYỂN SINH CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO .....</b>	<b>37</b>
14.1. Ngành đào tạo.....	37
14.2. Phương thức xét tuyển.....	37
14.3. Đối tượng xét tuyển.....	37
14.4. Tiêu chí xét tuyển.....	37
14.5. Thời gian nhập học.....	38
14.6. Thời gian đào tạo.....	38
14.7. Văn bằng.....	38
14.8. Thông tin liên hệ .....	38
<b>15. TUYỂN SINH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, NGHIỆP VỤ ĐỐI NGOẠI, NGOẠI NGỮ, KỸ NĂNG BIÊN PHIÊN DỊCH.....</b>	<b>38</b>
<b>16. THÔNG TIN TÀI CHÍNH NĂM HỌC LIỀN KÈ TRƯỚC NĂM TUYỂN SINH.....</b>	<b>39</b>
<b>Phụ lục 1: Danh sách giảng viên Học viện Ngoại giao tham gia giảng dạy trình độ đại học.....</b>	<b>40</b>
<b>Phụ lục 2: Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy trình độ đại học .....</b>	<b>48</b>

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2022

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

**Tên cơ sở đào tạo: HỌC VIỆN NGOẠI GIAO**

**Sứ mệnh:** Học viện Ngoại giao với hơn 60 năm truyền thống phát triển vững vàng, là cơ sở hàng đầu trong cả nước có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu chiến lược, nghiên cứu chuyên sâu phục vụ công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế toàn diện của đất nước.

(1) Về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng cán bộ: Học viện Ngoại giao là cơ sở đào tạo luôn đi đầu trong việc đổi mới mục tiêu, phương pháp, nội dung đào tạo theo định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước. Cho đến năm 2022, Học viện đã tuyển sinh 48 khoá Đại học chính quy, 22 khoá Cao học Quan hệ quốc tế (QHQT), 10 khoá Cao học Luật quốc tế (LQT), 08 khoá Cao học Kinh tế quốc tế (KTQT), 12 khoá Nghiên cứu sinh QHQT và 04 khoá Nghiên cứu sinh LQT. Học viện đã ký kết chương trình hợp tác đào tạo thạc sĩ và cử nhân QHQT với Đại học Lyon III của Pháp và Trường Đại học Victoria Wellington của New Zealand, cử nhân Ngôn ngữ với Đại học Flinders của Úc, cử nhân Kinh doanh quốc tế với Đại học Monash của Úc. Học viện đang triển khai các chương trình trao đổi sinh viên với Đại học Sungshin (Hàn Quốc), Đại học Laval (Canada), Đại học Chulalongkorn (Thái Lan), Đại học New South Wales (Úc), Đại học MGIMO (Liên bang Nga), Đại học Fulbright (Việt Nam),...

Các giảng viên và cán bộ nghiên cứu của Học viện đồng thời là các nhà ngoại giao với nhiều kinh nghiệm thực tế. Nhiều giảng viên đã từng công tác tại các cơ quan đại diện của Việt Nam tại các quốc gia và các tổ chức quốc tế. Đội ngũ giảng viên của Học viện phần lớn được đào tạo đại học và sau đại học tại các trường đại học hàng đầu thế giới và có thể giảng dạy trực tiếp các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng Pháp và tiếng Trung Quốc. Ngoài ra, Học viện còn có một mạng lưới các chuyên gia cao cấp trong nước và quốc tế thường xuyên giảng dạy và nói chuyện chuyên đề với sinh viên. Bên cạnh đó, Học viện được Nhà nước giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong ngành ngoại giao và cán bộ làm công tác đối ngoại của các Bộ, Ngành, địa phương.

Học viện Ngoại giao đã nhận Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục số 69/QĐ-KĐCL ngày 12/03/2020 do Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội cấp theo quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Học viện Ngoại giao nằm trong số rất ít trường đại học đã nhận Giấy chứng nhận kiểm định chương trình đào tạo theo Quyết định số 144-148/QĐ-KĐCL ngày 08/06/2021 từ Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục của Hiệp hội các trường đại học và cao đẳng của Việt Nam cho tất cả các chương trình đào tạo đủ điều kiện kiểm định, bao gồm: ngành Quan hệ quốc tế, Luật quốc tế, Kinh tế quốc tế, Ngôn ngữ Anh và Truyền thông quốc tế.

(2) Về nghiên cứu chiến lược, nghiên cứu chuyên sâu phục vụ công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế toàn diện của đất nước: Học viện Ngoại giao là đơn vị nòng cốt thực hiện công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược của Bộ Ngoại giao. Học viện có chức năng nghiên cứu khoa học về QHQT và quản lý chương trình nghiên cứu khoa học của Bộ Ngoại giao. Cho đến nay, Học viện đã hoàn thành hàng trăm công trình khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp cơ sở; tổ chức thành công nhiều hội thảo trong nước và quốc tế. Học viện là thành viên của nhiều viện nghiên cứu như: Viện nghiên cứu chiến lược và quốc tế ASEAN-ISIS, Hội đồng Hợp tác An ninh châu Á - Thái Bình Dương (CSCAP), Điều phối viên của Việt Nam trong Mạng lưới nghiên cứu xung đột ở Đông Nam Á; có quan hệ hợp tác với hơn 80 Viện nghiên cứu và trường đại học nước ngoài; có quan hệ với nhiều Đại sứ quán nước ngoài và tổ chức quốc tế tại Hà Nội.

Với vai trò là cơ sở giáo dục đại học hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo về QHQT, Học viện Ngoại giao đóng vai trò tham mưu quan trọng cho Lãnh đạo Bộ Ngoại giao trong việc hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Học viện Ngoại giao là thành viên tích cực trong Ban nội dung của các Hội nghị quốc tế được tổ chức tại Việt Nam như Hội nghị Thượng đỉnh các nước nói tiếng Pháp, Hội nghị cấp cao APEC, Hội nghị cấp cao ASEAN, Hội nghị ASEM...

Từ năm 1994 đến nay, Học viện Ngoại giao liên tục được Bộ Ngoại giao công nhận là đơn vị xuất sắc và được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương như: Huân chương Lao động hạng Nhất (1994), Huân chương Độc lập hạng Ba (1999), Huân chương Độc lập hạng Nhì (2004), Huân chương Hồ Chí Minh (2009), Huân chương Độc lập hạng Nhất (2019). Bên cạnh đó, Học viện đã được tặng thưởng nhiều Bằng khen và Cờ thi đua của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, các Bộ, Ngành, thành phố Hà Nội và các tổ chức Đảng và Đoàn cấp trên.

## 2. MÃ TRƯỜNG: HQT

3. **ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ:** Học viện Ngoại giao, số 69, phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

4. **ĐỊA CHỈ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ:** <https://www.dav.edu.vn>

## 5. ĐỊA CHỈ CÁC TRANG MẠNG XÃ HỘI

- Facebook (Fanpage): Tư vấn Tuyển sinh Học viện Ngoại giao

- Tiktok: @hocvienngoaigiao.dav

## 6. SỐ ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ TUYỂN SINH

- Hotline: 0943.482.840 hoặc 0936.018.433

- Email: [tuyensinhhvng@dav.edu.vn](mailto:tuyensinhhvng@dav.edu.vn)

## 7. TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

*(Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp năm 2021)*

Ngành đào tạo (trình độ đào tạo Đại học)	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số sinh viên trúng tuyển nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm (%)
<b>Lĩnh vực Pháp luật</b>				
Luật quốc tế	90	89	73	91.4
<b>Lĩnh vực Nhân văn</b>				
Ngôn ngữ Anh	90	81	54	98
<b>Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi</b>				
Kinh tế quốc tế	90	92	57	97.8
Quan hệ quốc tế	90	98	91	95.6
<b>Lĩnh vực Báo chí và thông tin</b>				
Truyền thông quốc tế	90	95	87	96.9
<b>Tổng</b>	<b>450</b>	<b>455</b>	<b>362</b>	<b>95.9</b>

## 8. THÔNG TIN VỀ TUYỂN SINH CHÍNH QUY CỦA 02 NĂM GẦN NHẤT

### 8.1. Phương thức tuyển sinh của 02 năm gần nhất

Học viện Ngoại giao tuyển sinh trong cả nước. Trong năm 2020 và 2021, Học viện Ngoại giao tuyển sinh theo phương thức sử dụng kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT và phương thức xét tuyển theo Đề án riêng của Học viện, bao gồm: (i) Xét tuyển kết hợp Kết quả học tập THPT và Chứng chỉ quốc tế, (ii) Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập THPT và (iii) Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập THPT, Chứng chỉ quốc tế và Phỏng vấn.

**8.2. Điểm trúng tuyển của 02 năm gần nhất (lấy từ kết quả Xét tuyển dựa trên Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT)**

Khối ngành/ Ngành/ Tổ hợp xét tuyển	Năm 2020			Năm 2021		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển <sup>1</sup>	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển <sup>1</sup>	Điểm trúng tuyển
<b>Lĩnh vực Pháp luật</b>						
- Ngành Luật quốc tế	<b>100</b>			<b>200</b>		
<i>Tổ hợp A01 &amp; D01</i>		101	26.0		16	27.3
<i>Tổ hợp A00 &amp; C00</i>					46	27.3
<b>Lĩnh vực Nhân văn</b>						
- Ngành Ngôn ngữ Anh	<b>100</b>			<b>200</b>		
<i>Tổ hợp D01</i>		97	34.75		83	36.9
<b>Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý</b>						
- Ngành Kinh doanh quốc tế				<b>100</b>		
<i>Tổ hợp A00 &amp; A01 &amp; D01</i>					39	27.0
<b>Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi</b>						
- Ngành Quan hệ quốc tế	<b>100</b>			<b>400</b>		
<i>Tổ hợp A00 &amp; C00</i>					61	27.6
<i>Tổ hợp A01 &amp; D01</i>		107	26.6		53	27.6
<i>Tổ hợp D03 &amp; D04</i>		16	25.6		1	27.6
- Ngành Kinh tế quốc tế	<b>100</b>			<b>250</b>		
<i>Tổ hợp A00 &amp; A01 &amp; D01</i>		103	26.7		102	27.4
<b>Lĩnh vực Báo chí và thông tin</b>						
- Ngành Truyền thông quốc tế	<b>100</b>			<b>400</b>		
<i>Tổ hợp A00 &amp; C00</i>					61	27.9
<i>Tổ hợp A01 &amp; D01</i>		106	27.0		45	27.9
<i>Tổ hợp D03 &amp; D04</i>		17	26.0		1	27.9
<b>Tổng</b>	<b>500</b>			<b>1550</b>		

<sup>1</sup> Lấy từ kết quả xét tuyển dựa trên Kết quả thi tốt nghiệp THPT.



## 9. THÔNG TIN DANH MỤC NGÀNH ĐƯỢC PHÉP ĐÀO TẠO

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Quan hệ quốc tế	7310206	07/QĐ	17/06/1959	1058/QĐ-BGDĐT	21/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1959	2021
2	Ngôn ngữ Anh	7220201	705/QĐ-BGD&ĐT	15/02/2006	1058/QĐ-BGDĐT	21/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2006	2021
3	Kinh tế quốc tế	7310106	3679/QĐ-BGDĐT	12/07/2007	1058/QĐ-BGDĐT	21/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2008	2021
4	Luật quốc tế	7380108	6980/QĐ-BGDĐT	05/11/2007	1058/QĐ-BGDĐT	21/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2008	2021
5	Truyền thông quốc tế	7320107	8098/QĐ-BGDĐT	10/11/2009	1058/QĐ-BGDĐT	21/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2010	2021
6	Kinh doanh quốc tế	7340120	168/QĐ-HVNG	30/03/2021			Trường tự chủ quyết định	2021	2021
7	Châu Á - Thái Bình Dương học	7310631	1266/QĐ-HVNG	28/12/2021			Trường tự chủ quyết định	2022	
8	Luật thương mại quốc tế	7380109	1286/QĐ-HVNG	31/12/2021			Trường tự chủ quyết định	2022	

## 10. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

### 10.1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy (người học)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ ngành đào tạo	Quy mô đào tạo
<b>A</b>	<b>SAU ĐẠI HỌC</b>		<b>255</b>
<b>1</b>	<b>Tiến sĩ</b>		<b>44</b>
<b>1.1</b>	<b>Lĩnh vực Pháp luật</b>		
1.1.1	Ngành Luật quốc tế	9380108	4
<b>1.2</b>	<b>Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi</b>		
1.2.1	Ngành Quan hệ quốc tế	9310206	40
<b>2</b>	<b>Thạc sĩ</b>		<b>211</b>
<b>2.1</b>	<b>Lĩnh vực Pháp luật</b>		
2.1.1	Ngành Luật quốc tế	8380108	37
<b>2.2</b>	<b>Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi</b>		
2.2.1	Ngành Quan hệ quốc tế	8310206	135
2.2.2	Ngành Kinh tế quốc tế	8310106	39
<b>B</b>	<b>ĐẠI HỌC CHÍNH QUY</b>		<b>3203</b>
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý</b>		
1.1	Ngành Kinh doanh quốc tế	7340120	107
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực Pháp luật</b>		
2.1	Ngành Luật quốc tế	7380108	474
<b>3</b>	<b>Lĩnh vực Nhân văn</b>		
3.1	Ngành Ngôn ngữ Anh	7220201	484
<b>4</b>	<b>Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi</b>		
4.1	Ngành Quan hệ quốc tế	7310206	824
4.2	Ngành Kinh tế quốc tế	7310106	563
<b>5</b>	<b>Lĩnh vực Báo chí và thông tin</b>		
5.1	Ngành Truyền thông quốc tế	7320107	751

### 10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

- Tổng diện tích đất của trường: **10.650 m<sup>2</sup>**.
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: **840 m<sup>2</sup> (34 phòng)**.

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

<b>STT</b>	<b>Loại phòng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Diện tích sàn xây dựng (m2)</b>
<i>1</i>	<i>Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu</i>		
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02	1.276
1.2	Phòng học từ 50 - 200 chỗ	25	2.672
1.3	Số phòng học dưới 50 chỗ	40	1.304
1.4	Phòng làm việc của GS, PGS, GV cơ hữu	191	10.147
2	<i>Thư viện, trung tâm học liệu</i>	<i>04</i>	<i>1.596</i>
3	<i>Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập</i>	<i>01</i>	<i>422</i>

### **10.3. Danh sách giảng viên**

**10.3.1. Số lượng giảng viên Học viện Ngoại giao tham gia giảng dạy trình độ đại học (chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm)**

<b>STT</b>	<b>Lĩnh vực/ ngành đào tạo</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>GS.TS</b>	<b>PGS.TS</b>	<b>Tiến sĩ</b>	<b>Thạc sĩ</b>	<b>Tổng</b>
<b>1</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>						
1.1	Kinh doanh quốc tế	7340120			6	12	<b>18</b>
<b>2</b>	<b>Pháp luật</b>						
2.1	Luật quốc tế	7380108		4	4	10	<b>18</b>
2.2	Luật thương mại quốc tế	7380109		1	8	9	<b>18</b>
<b>3</b>	<b>Nhân văn</b>						
3.1	Ngôn ngữ Anh	7220201		1	7	15	<b>23</b>
<b>4</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>						
4.1	Quan hệ quốc tế	7310206	2	4	7	29	<b>42</b>
4.2	Kinh tế quốc tế	7310106		3	4	14	<b>21</b>
4.3	Châu Á - Thái Bình Dương học	7310631	1	2	7	13	<b>23</b>
<b>5</b>	<b>Báo chí và thông tin</b>						
5.1	Truyền thông quốc tế	7320407		4	10	24	<b>38</b>

**10.3.2. Số lượng giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy trình độ đại học (chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm)**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>GS.TS</b>	<b>PGS.TS</b>	<b>Tiến sĩ</b>	<b>Thạc sĩ</b>	<b>Tổng</b>
1	GV thỉnh giảng		5	28	29	<b>62</b>

## II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

### 1. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

- Tất cả thí sinh tính tới thời điểm xác định trúng tuyển đã tốt nghiệp THPT, bao gồm các thí sinh đã tốt nghiệp THPT tại Việt Nam và nước ngoài, đáp ứng các điều kiện trong Đề án tuyển sinh năm 2022 của Học viện.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành, không vi phạm pháp luật.

**2. PHẠM VI TUYỂN SINH:** Tuyển sinh trong cả nước.

### 3. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Học viện Ngoại giao xét tuyển vào hệ đại học chính quy năm 2022 theo các phương thức xét tuyển sau:

- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo - **Mã phương thức xét tuyển 301** (mục 8.1, phần II của Đề án tuyển sinh).

- Xét tuyển sớm dựa trên Kết quả học tập THPT - **Mã phương thức xét tuyển 200** (mục 8.2, phần II của Đề án tuyển sinh): Đối với thí sinh (1) Tham gia/ Đạt giải trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi; hoặc (2) Là học sinh trường THPT Chuyên/ Trọng điểm quốc gia; hoặc (3) Có Chứng chỉ quốc tế.

- Xét tuyển sớm dựa trên Kết quả học tập THPT và Phong vấn - **Mã phương thức xét tuyển 414** (mục 8.3, phần II của Đề án tuyển sinh): Đối với thí sinh (1) Có năng lực/ thành tích đặc biệt trong các lĩnh vực Văn hóa, Nghệ thuật, Khoa học, Thể thao, Báo chí - Truyền thông,... được cấp có thẩm quyền xác nhận (trương đương từ cấp Tỉnh/ Thành phố trực thuộc TW trở lên) và được Hội đồng Tuyển sinh xem xét và quyết định; hoặc (2) Đạt giải trong các cuộc thi quốc tế trong các lĩnh vực được Hội đồng Tuyển sinh xem xét và quyết định.

- Xét tuyển sớm dựa trên Kết quả Phong vấn - **Mã phương thức xét tuyển 412** (mục 8.4, phần II của Đề án tuyển sinh): Đối với thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam; hoặc có thời gian học tập ở nước ngoài và ở Việt Nam, tốt nghiệp chương trình THPT ở Việt Nam và có Chứng chỉ quốc tế.

- Xét tuyển dựa trên Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 - **Mã phương thức xét tuyển 100** (mục 8.5, phần II của Đề án tuyển sinh).

### 4. NGUYÊN TẮC XÉT TUYỂN

- Mỗi phương thức xét tuyển có chỉ tiêu riêng. Trong trường hợp một phương thức xét tuyển không hết chỉ tiêu thì số lượng chỉ tiêu còn lại được chuyển sang các phương thức khác. Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển theo các phương thức khác nhau nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định.

- Thí sinh được đăng ký không giới hạn nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

- Thí sinh được xét bình đẳng theo điểm xét, không phân biệt thứ tự của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì Học viện sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển. Điểm xét tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân. Thí sinh chỉ được trúng tuyển vào nguyện vọng cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

- Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh đạt trong đợt xét tuyển sớm có nguyện vọng học tập tại Học viện hoặc thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào các ngành, Học viện Ngoại giao sẽ xem xét, quyết định xét tuyển các đợt bổ sung.

## **5. CHÍNH SÁCH VỀ ĐIỂM ƯU TIÊN CỦA HỌC VIỆN**

### **5.1. Điểm ưu tiên theo quy định của Học viện**

Ngoài điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh được cộng điểm ưu tiên theo quy định của Học viện nếu đáp ứng ít nhất một trong các điều kiện sau:

- Tham gia/ Đoạt giải trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi;
- Là học sinh trường THPT Chuyên/ Trọng điểm quốc gia;
- Có chứng chỉ quốc tế;
- Có năng lực/ thành tích đặc biệt trong các lĩnh vực được cấp có thẩm quyền (tương đương từ cấp Tỉnh/ Thành phố trực thuộc TW trở lên) xác nhận và được Hội đồng Tuyển sinh xem xét và quyết định;
- Đoạt giải trong các cuộc thi quốc tế trong các lĩnh vực được Hội đồng Tuyển sinh xem xét và quyết định.

### **5.2. Nguyên tắc cộng điểm ưu tiên**

- Mỗi đối tượng ưu tiên sẽ có mức điểm cộng riêng theo quy định của Học viện.
- Thí sinh được cộng tối đa điểm ưu tiên nếu đồng thời đáp ứng nhiều đối tượng ưu tiên (trừ các trường hợp ngoại lệ quy định tại Bảng 1: Mức điểm cộng ưu tiên và Phụ lục Bảng 1: Mức điểm ưu tiên theo Chứng chỉ quốc tế).

### **5.3. Mức điểm cộng ưu tiên**

*Bảng 1: Mức điểm cộng ưu tiên*

<b>STT</b>	<b>Đối tượng ưu tiên theo quy định của Học viện</b>	<b>Điểm cộng ưu tiên</b>
1	Tham gia/ Đoạt giải trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi	

STT	Đối tượng ưu tiên theo quy định của Học viện	Điểm cộng ưu tiên
1.1	<i>Tham gia/ Đạt giải trong Kỳ thi Olympic quốc tế theo quy định tại Điều 8, Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non hiện hành</i>	
	Huy chương Vàng	6.0
	Huy chương Bạc	5.5
	Huy chương Đồng	5.0
	Bằng khen (Giải Khuyến khích)	4.5
	Được triệu tập tham gia kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế	4.0
1.2	<i>Tham gia/ Đạt giải Kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia/ Cuộc thi Khoa học kỹ thuật Quốc gia theo quy định tại Điều 8, Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non hiện hành</i>	
	Giải Nhất	4.0
	Giải Nhì	3.5
	Giải Ba	3.0
	Giải Khuyến khích/ Giải Tư	2.5
	Có tên trong Quyết định thành lập đội tuyển thi HSG Quốc gia/ Cuộc thi Khoa học kỹ thuật Quốc gia	2.0
1.3	<i>Đạt giải trong Kỳ thi HSG cấp Tỉnh/ Thành phố trực thuộc TW</i>	
	Giải Nhất	2.0
	Giải Nhì	1.5
	Giải Ba	1.0
<b>Lưu ý:</b> Đối với các đối tượng thuộc diện ưu tiên tại mục 1, thí sinh chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.		
2	Là học sinh trường THPT Chuyên/ Trọng điểm quốc gia	
	Học sinh thuộc hệ chuyên	2.0
	Học sinh thuộc hệ không chuyên	1.0
3	Có một trong các Chứng chỉ quốc tế còn giá trị sử dụng tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>➤ <b>Tiếng Anh:</b> IELTS Academic từ 6.0 trở lên, hoặc TOEFL iBT từ 60 trở lên, hoặc các Chứng chỉ Cambridge English Qualifications từ 169 điểm trở lên, hoặc SAT từ 1200 trở lên, hoặc ACT từ 25 điểm trở lên.</li> <li>➤ <b>Tiếng Pháp:</b> từ DELF-B1 trở lên hoặc TCF từ 300 điểm trở lên.</li> <li>➤ <b>Tiếng Trung Quốc:</b> từ HSK 4 (mức điểm từ 270) trở lên.</li> <li>➤ <b>Tiếng Hàn Quốc:</b> từ Topik 3 trở lên.</li> <li>➤ <b>Tiếng Nhật Bản:</b> từ N3 trở lên.</li> </ul>	Theo Phụ lục Bảng 1: Mức điểm ưu tiên theo Chứng chỉ quốc tế

<b>STT</b>	<b>Đối tượng ưu tiên theo quy định của Học viện</b>	<b>Điểm cộng ưu tiên</b>
4	Có năng lực/ thành tích đặc biệt trong các lĩnh vực Văn hóa, Nghệ thuật, Khoa học, Thể thao, Báo chí - Truyền thông,... được cấp có thẩm quyền xác nhận (tương đương từ cấp Tỉnh/ Thành phố trở lên) và được Hội đồng Tuyển sinh xem xét và quyết định*	Tối đa 1.0
5	Đoạt giải trong các cuộc thi quốc tế trong các lĩnh vực được Hội đồng Tuyển sinh xem xét và quyết định	2.0

*Phụ lục Bảng 1: Mức điểm ưu tiên theo Chứng chỉ quốc tế*

<b>Chứng chỉ quốc tế</b>				<b>Điểm cộng ưu tiên</b>
	<b>IELTS</b>	<b>Cambridge English Scale</b>	<b>TOEFL iBT</b>	
<b>1. Tiếng Anh</b>	6	169 - 175	60 - 78	1.5
	6.5	176 - 184	79 - 93	2.0
	7	185 - 190	94 - 101	2.5
	7.5	191 - 199	102 - 109	3.0
	8	200 - 204	110 - 114	3.5
	8.5 - 9.0	205 - 230	115 - 120	4.0
	<b>2. Tiếng Pháp</b>	<b>DELF/DALF</b>		<b>TCF</b>
DELF-B1		300 - 399	2.5	
DELF-B2		400 - 499	3.0	
DALF-C1		500 - 599	3.5	
DALF-C2		600 - 699	4.0	
<b>3. Tiếng Trung Quốc</b>	HSK4 (Mức điểm từ 270)			2.5
	HSK5 (Mức điểm từ 180-239)			3.0
	HSK5 (Mức điểm từ 240)			3.5
	HSK6			4.0
<b>4. Tiếng Nhật Bản</b>	N3 (Mức điểm dưới 130)			2.5
	N3 (Mức điểm từ 130)			3.0
	N2			3.5
	N1			4.0
<b>5. Tiếng Hàn Quốc</b>	Topik 3			2.5
	Topik 4			3.0
	Topik 5			3.5
	Topik 6			4.0

\* Căn cứ hồ sơ năng lực/ thành tích đặc biệt của thí sinh, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét và quyết định điểm cộng ưu tiên theo các mức: 0.25, 0.5, 0.75, 1.0 và thông báo cho thí sinh.

<b>6. Điểm bài thi Chuẩn hóa năng lực quốc tế</b>			
	<b>SAT</b>	<b>ACT</b>	
<b>1</b>	1200 - 1240	25 - 26	1.5
<b>2</b>	1250 - 1290	27 - 28	2.0
<b>3</b>	1300 - 1340	29 - 30	2.5
<b>4</b>	1350 - 1390	31 - 32	3.0
<b>5</b>	1400 - 1490	33 - 34	3.5
<b>6</b>	1500 - 1600	35 - 36	4.0

**Lưu ý:**

- Nếu thí sinh có các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế thuộc các ngoại ngữ khác nhau (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật Bản hoặc tiếng Hàn Quốc) thì được cộng tất cả điểm ưu tiên tương ứng với mức điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế mà thí sinh đạt được.

- Nếu thí sinh có nhiều chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế thuộc cùng 01 ngoại ngữ thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất.

- Nếu thí sinh có cả chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và điểm bài thi Chuẩn hóa năng lực quốc tế thì được cộng tất cả điểm ưu tiên tương ứng với mức điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế/ bài thi Chuẩn hóa năng lực quốc tế mà thí sinh đạt được.



## 6. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

- Tổng chỉ tiêu hệ Đại học Chính quy : **2010**

- Chỉ tiêu cụ thể của từng ngành:

- |                         |       |                                      |       |
|-------------------------|-------|--------------------------------------|-------|
| ➤ Ngành Quan hệ quốc tế | : 450 | ➤ Ngành Truyền thông quốc tế         | : 450 |
| ➤ Ngành Ngôn ngữ Anh    | : 200 | ➤ Ngành Kinh doanh quốc tế           | : 200 |
| ➤ Ngành Kinh tế quốc tế | : 250 | ➤ Ngành Châu Á - Thái Bình Dương học | : 160 |
| ➤ Ngành Luật quốc tế    | : 200 | ➤ Ngành Luật thương mại quốc tế      | : 100 |

- Chỉ tiêu của từng ngành theo các phương thức xét tuyển:

STT	Mã ngành tuyển sinh	Tên ngành	Phương thức xét tuyển/ Chỉ tiêu (dự kiến)					Tổ hợp môn xét tuyển								
			Tổng chỉ tiêu	Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT (mục 8.1) - mã 301	Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập và Phòng vấn (mục 8.2) - mã 200	Xét tuyển dựa trên Kết quả THPT và Phòng vấn (mục 8.3) - mã 414	Xét tuyển dựa trên Kết quả thi tốt nghiệp THPT (mục 8.4) - mã 412	Xét tuyển dựa trên Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT (mục 8.5) - mã 100	A00	A01	C00	D01	D03	D04	D06	D07
				3%	67%	3%	2%	25%								
1	HQT01	Quan hệ quốc tế	<b>450</b>	13	302	13	9	113		X	X	X	X	X	X	X
2	HQT02	Ngôn ngữ Anh	<b>200</b>	6	134	6	4	50		X		X				X
3	HQT03	Kinh tế quốc tế	<b>250</b>	8	167	8	5	62	X	X		X	X	X	X	X

STT	Mã ngành tuyển sinh	Tên ngành	Phương thức xét tuyển/ Chỉ tiêu (dự kiến)						Tổ hợp môn xét tuyển							
			Tổng chỉ tiêu	Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT (mục 8.1) - mã 301	Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập và Phòng THPT (mục 8.2) - mã 200	Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập THPT và Phòng văn (mục 8.3) - mã 414	Xét tuyển dựa trên Kết quả thi tốt nghiệp THPT (mục 8.4) - mã 412	Xét tuyển dựa trên Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT (mục 8.5) - mã 100	A00	A01	C00	D01	D03	D04	D06	D07
				3%	67%	3%	2%	25%								
4	HQT04	Luật quốc tế	200	6	134	6	4	50		X	X	X	X	X	X	X
5	HQT05	Truyền thông quốc tế	450	13	302	13	9	113		X	X	X	X	X	X	X
6	HQT06	Kinh doanh quốc tế	200	6	134	6	4	50	X	X		X	X	X	X	X
7	HQT07	Luật thương mại quốc tế	100	3	67	3	2	25		X	X	X	X	X	X	X
8	HQT08	Châu Á - Thái Bình Dương học	160	4	108	4	4	40								
	HQT08-01	Hàn Quốc học	40	1	27	1	1	10		X	X	X				X
	HQT08-02	Hoa Kỳ học	40	1	27	1	1	10		X	X	X				X
	HQT08-03	Nhật Bản học	40	1	27	1	1	10		X	X	X			X	X
	HQT08-04	Trung Quốc học	40	1	27	1	1	10		X	X	X		X		X
<b>TỔNG</b>			<b>2010</b>	<b>59</b>	<b>1348</b>	<b>59</b>	<b>41</b>	<b>503</b>								

## 7. NGƯỠNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐẦU VÀO

Mỗi phương thức xét tuyển có ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào riêng. Cụ thể như sau:

- Đối với các thí sinh ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*tại mục 8.1, phần II của Đề án tuyển sinh*); xét tuyển sớm dựa trên Kết quả học tập THPT (*tại mục 8.2, phần II của Đề án tuyển sinh*); xét tuyển sớm dựa trên Kết quả học tập THPT và Phỏng vấn (*tại mục 8.3, phần II của Đề án tuyển sinh*) và xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 (*tại mục 8.5, phần II của Đề án tuyển sinh*): Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được xác định dựa trên tổng điểm của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển của Học viện trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022.
- Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2022 mà đăng ký xét tuyển sớm dựa trên Kết quả học tập THPT (*tại mục 8.2, phần II của Đề án tuyển sinh*) hoặc xét tuyển sớm dựa trên Kết quả học tập THPT và Phỏng vấn (*tại mục 8.3, phần II của Đề án tuyển sinh*): Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được xác định dựa trên ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Học viện Ngoại giao tại năm thí sinh tốt nghiệp.
- Đối với các thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam; hoặc có thời gian học tập ở nước ngoài và ở Việt Nam, tốt nghiệp chương trình THPT ở Việt Nam (*tại mục 8.4, phần II của Đề án tuyển sinh*): Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được xác định dựa trên kết quả Phỏng vấn do Học viện tổ chức.

**Lưu ý:** Trừ đối tượng là thí sinh đăng ký xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022, Học viện chấp nhận kết quả miễn thi ngoại ngữ trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) để tính điểm đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với các thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức còn lại.

## 8. CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

### 8.1. XÉT TUYỂN THẲNG VÀ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - Mã phương thức xét tuyển 301

**8.1.1. Chỉ tiêu xét tuyển:** 3% tổng chỉ tiêu của mỗi ngành.

#### 8.1.2. Đối tượng xét tuyển thẳng

Ngoài các điều kiện chung theo quy định, thí sinh đăng ký xét tuyển cần đáp ứng các điều kiện bắt buộc sau để được xét tuyển theo phương thức này:

- Tốt nghiệp THPT;

- Thuộc 01 trong các đối tượng sau:

(1) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

(2) Thí sinh đoạt thành tích cao trong các kỳ thi Olympic quốc tế và tốt nghiệp THPT năm 2022 được tuyển thẳng vào Học viện theo ngành phù hợp với môn mà thí sinh đoạt giải. Thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.

(3) Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Tiếng Anh và tốt nghiệp THPT năm 2022 được tuyển thẳng vào Học viện theo ngành đúng với môn mà thí sinh đã đoạt giải (ngành Ngôn ngữ Anh). Thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.

(4) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ; hoặc thí sinh có nơi thường trú từ 03 năm trở lên, học 03 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, xếp loại học lực năm lớp 10,11,12 đạt từ loại Khá trở lên, được Học viện xem xét, quyết định xét tuyển thẳng vào học ngành theo nguyện vọng của thí sinh.

(5) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại Học viện Ngoại giao, Hội đồng tuyển sinh sẽ căn cứ vào kết quả học tập THPT, kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực tiếng Việt đáp ứng quy định tại Điều 6 Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam của Bộ trưởng Bộ GDĐT để xem xét, quyết định cho vào học.

### **8.1.3. Đối tượng ưu tiên xét tuyển**

Ngoài các điều kiện chung theo quy định, thí sinh đăng ký xét tuyển cần đáp ứng các điều kiện bắt buộc sau để được xét tuyển theo phương thức này:

- Tốt nghiệp THPT năm 2022;

- Thuộc 01 trong các đối tượng sau:

- Thí sinh đoạt giải **Nhất, Nhì** và **Ba** trong cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, có kết quả thi tốt nghiệp THPT đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Học viện Ngoại giao quy định được ưu tiên xét tuyển vào Học viện theo ngành phù hợp với đề tài mà thí sinh đã đoạt giải.
- Thí sinh đoạt giải **Nhất, Nhì** và **Ba** trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia,

có kết quả thi tốt nghiệp THPT đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Học viện Ngoại giao quy định được ưu tiên xét tuyển vào Học viện theo ngành phù hợp với môn thi mà thí sinh đã đoạt giải. Cụ thể như sau:

TT	Ngành được ưu tiên xét tuyển	Mã ngành tuyển sinh	Môn đoạt giải									
			Địa lý	Hóa học	Lịch sử	Ngữ văn	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Trung Quốc	Toán	Vật lý	
1	Quan hệ quốc tế	HQT01	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Ngôn ngữ Anh	HQT02		X		X	*				X	X
3	Kinh tế quốc tế	HQT03		X		X	X	X	X	X	X	X
4	Luật quốc tế	HQT04	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	Truyền thông quốc tế	HQT05	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6	Kinh doanh quốc tế	HQT06		X		X	X	X	X	X	X	X
7	Luật thương mại quốc tế	HQT07	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
8	Châu Á - Thái Bình Dương học	HQT08										
	Hàn Quốc học	HQT08-01	X	X	X	X	X				X	X
	Hoa Kỳ học	HQT08-02	X	X	X	X	X				X	X
	Nhật Bản học	HQT08-03	X	X	X	X	X				X	X
	Trung Quốc học	HQT08-04	X	X	X	X	X		X		X	X

#### 8.1.4. Quy trình nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định của Học viện Ngoại giao

**Bước 1:** Chuẩn bị hồ sơ, gồm có:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng vào đại học chính quy năm 2022 theo mẫu của Học viện Ngoại giao [tại đây](#); hoặc Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển vào đại học chính quy năm 2022 theo mẫu của Học viện Ngoại giao [tại đây](#);

- Bản sao được chứng thực:

- Giấy chứng nhận đoạt thành tích trong các kỳ thi Olympic quốc tế; Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia/ Cuộc thi KHKT Quốc gia; hoặc Giấy chứng nhận thuộc đối tượng xét tuyển thẳng/ ưu tiên xét

\* Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Tiếng Anh và tốt nghiệp THPT năm 2022 được tuyển thẳng vào ngành Ngôn ngữ Anh.

tuyển khác;

- Học bạ THPT và Hộ khẩu thường trú đối với thí sinh thuộc đối tượng tại điểm (4) thuộc mục 8.1.2, phần II của Đề án tuyển sinh.

**Bước 2:** Nộp hồ sơ trực tiếp trong giờ hành chính (sáng: từ 08h30 - 11h30, chiều: từ 14h00 - 17h00) tại Tầng 1, Nhà D, Học viện Ngoại giao hoặc gửi hồ sơ bằng đường bưu điện từ ngày 19/06 đến trước 17h00 ngày 02/07/2022 (tính theo dấu bưu điện) đến địa chỉ: Phòng Đào tạo Đại học, Phòng 109, Nhà D, Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

**Lưu ý:** Thí sinh cần đăng ký xét tuyển trên hệ thống Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.

## **8.2. XÉT TUYỂN SỚM DỰA TRÊN KẾT QUẢ HỌC TẬP THPT - Mã phương thức xét tuyển 200**

*(Kết hợp 02 phương thức: (i) Xét tuyển kết hợp Chứng chỉ quốc tế và Kết quả học tập THPT và (ii) Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập THPT tại **Thông báo Dự kiến phương thức Tuyển sinh Đại học năm 2022** ngày 19/04/2022 trên website của Học viện)*

**8.2.1. Chỉ tiêu:** 67% tổng chỉ tiêu cho mỗi ngành.

### **8.2.2. Đối tượng xét tuyển**

Ngoài các điều kiện chung theo quy định, thí sinh đăng ký xét tuyển cần đáp ứng các điều kiện bắt buộc sau để được xét tuyển theo phương thức này:

- Tốt nghiệp THPT;
- Có điểm trung bình cộng kết quả học tập của 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đạt từ 8.0 trở lên;
- Thuộc 01 trong các đối tượng:

(1) Tham gia/ Đạt giải trong Kỳ thi Olympic quốc tế/ Kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia/ Cuộc thi Khoa học kỹ thuật Quốc gia theo quy định tại Điều 8, Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non hiện hành; hoặc Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Kỳ thi HSG cấp Tỉnh/ Thành phố trực thuộc TW lớp 10, lớp 11 hoặc lớp 12.

(2) Là học sinh trường THPT chuyên (theo Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT Chuyên và Thông tư số 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18/04/2014 của Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT Chuyên), hoặc trường THPT trọng điểm quốc gia.

(3) Có một trong các Chứng chỉ quốc tế còn giá trị sử dụng tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển sau đây:

- **Tiếng Anh:** IELTS Academic từ 6.0 trở lên, hoặc TOEFL iBT từ 60 trở lên, hoặc các Chứng chỉ Cambridge English Qualifications từ 169 điểm trở lên, hoặc SAT từ 1200 trở lên, hoặc ACT từ 25 điểm trở lên.
- **Tiếng Pháp:** từ DELF-B1 trở lên hoặc TCF từ 300 điểm trở lên.
- **Tiếng Trung Quốc:** từ HSK 4 (mức điểm từ 270) trở lên.
- **Tiếng Hàn Quốc:** từ Topik 3 trở lên.
- **Tiếng Nhật Bản:** từ N3 trở lên.

**Lưu ý:** Nếu thí sinh có các Chứng chỉ quốc tế không được liệt kê ở trên, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét và quyết định.

### 8.2.3. Điểm xét tuyển

- Điểm xét tuyển bao gồm:

(1) Tổng của điểm trung bình cộng kết quả học tập của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển\* vào Học viện thuộc 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đã lựa chọn để tham gia xét tuyển;

(2) Điểm ưu tiên.

- Đối với các ngành **Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Luật quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Truyền thông quốc tế, Châu Á - Thái Bình Dương học và Luật thương mại quốc tế:**

Công thức tính điểm xét tuyển: Điểm xét tuyển = A+B+C+D

Trong đó: A & B & C: là điểm trung bình cộng kết quả học tập của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển vào Học viện thuộc 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đã lựa chọn để tham gia xét tuyển.

D: là điểm ưu tiên.

- Đối với ngành **Ngôn ngữ Anh:**

Công thức tính điểm xét tuyển: Điểm xét tuyển = Ax2+ B + C + D

Trong đó: A: là điểm trung bình cộng kết quả học tập của môn tiếng Anh thuộc 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đã lựa chọn để tham gia xét tuyển.

B & C: là điểm trung bình cộng kết quả học tập của 02 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển thuộc 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đã lựa chọn để tham gia xét tuyển.

D: là điểm ưu tiên.

---

\* Thí sinh có thể lựa chọn nhiều tổ hợp để xét tuyển nhưng các tổ hợp phải thuộc 3 học kỳ đã lựa chọn để tham gia xét tuyển.

- Điểm ưu tiên bao gồm:
  - Điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
  - Điểm ưu tiên theo quy định của Học viện tại mục 5, phần II của Đề án tuyển sinh.
- Điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển của từng ngành đào tạo sẽ tính từ trên xuống dưới đến hết chỉ tiêu.
- Chênh lệch điểm giữa các tổ hợp môn xét tuyển dự kiến như sau:
  - Tổ hợp môn xét tuyển D03, D04 thấp hơn tổ hợp môn xét tuyển A00, A01, D01, D06 và D07 là 1.0 điểm.
  - Tổ hợp môn xét tuyển C00 cao hơn tổ hợp môn xét tuyển A00, A01, D01, D06 và D07 từ 1.0 - 1.5 điểm.

#### **8.2.4. Tiêu chí phụ xét tuyển**

Trong trường hợp tại ngưỡng điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển ĐẠT của từng ngành đào tạo có số lượng thí sinh nhiều hơn số chỉ tiêu, Học viện sẽ sử dụng tiêu chí phụ theo thứ tự lần lượt như sau:

- Nguyên vọng cao hơn.
- Điểm trung bình cộng kết quả học tập môn Ngoại ngữ thuộc 3 học kỳ đã lựa chọn để tham gia xét tuyển đối với các thí sinh sử dụng tổ hợp môn xét tuyển A01, D01, D03, D04, D06, D07; hoặc môn Toán đối với các thí sinh sử dụng tổ hợp môn xét tuyển A00; hoặc môn Ngữ văn đối với các thí sinh sử dụng tổ hợp môn xét tuyển C00.

#### **8.2.5. Quy trình nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển sớm theo quy định của Học viện Ngoại giao**

**Bước 1:** Thí sinh đăng ký xét tuyển sớm tại Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ website: <https://tuyensinh.dav.edu.vn> và in Phiếu đăng ký.

**Bước 2:** Chuẩn bị hồ sơ, gồm có:

- Phiếu đăng ký ở Bước 1;
- Bản sao được chứng thực:
  - Giấy chứng nhận đoạt giải/ xác nhận tham gia Kỳ thi Olympic quốc tế/ Kỳ thi HSG Quốc gia/ Cuộc thi KHKT Quốc gia; hoặc Giấy chứng nhận đoạt giải Nhất, Nhì, Ba kỳ thi HSG cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc TW; hoặc Giấy xác nhận là học sinh trường THPT Chuyên/ trọng điểm quốc gia [theo mẫu tại đây](#); hoặc Chứng chỉ quốc tế;



- Học bạ THPT hoặc kết quả học tập THPT có xác nhận của trường THPT (nếu chưa có học bạ THPT);
- Các giấy tờ ưu tiên theo khu vực và đối tượng nếu có.

**Bước 3:** Nộp hồ sơ trực tiếp trong giờ hành chính (sáng: từ 08h30 - 11h30, chiều: từ 14h00 - 17h00) tại Tầng 1, Nhà D, Học viện Ngoại giao hoặc gửi hồ sơ bằng đường bưu điện từ ngày 19/06 đến trước 17h00 ngày 02/07/2022 (tính theo dấu bưu điện) đến địa chỉ: Phòng Đào tạo Đại học, Phòng 109, Nhà D, Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

**Lưu ý:** Thí sinh cần đăng ký xét tuyển trên hệ thống Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Công dịch vụ công quốc gia.

### **8.3. XÉT TUYỂN SỚM DỰA TRÊN KẾT QUẢ HỌC TẬP THPT VÀ PHÒNG VẤN - Mã phương thức xét tuyển 414**

**8.3.1. Chỉ tiêu:** 3% tổng chỉ tiêu cho mỗi ngành.

#### **8.3.2. Đối tượng xét tuyển**

Ngoài các điều kiện chung theo quy định, thí sinh đăng ký xét tuyển cần đáp ứng các điều kiện bắt buộc sau để được xét tuyển theo phương thức này:

- Tốt nghiệp THPT;
- Có điểm trung bình cộng kết quả học tập của 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đạt từ 8.0 trở lên;
- Thuộc 01 trong các đối tượng:

(1) Có năng lực/ thành tích đặc biệt trong các lĩnh vực Văn hóa, Nghệ thuật, Khoa học, Thể thao, Báo chí - Truyền thông,... được cấp có thẩm quyền xác nhận (tương đương từ cấp Tỉnh/ Thành phố trực thuộc TW trở lên) và được Hội đồng Tuyển sinh xem xét và quyết định.

(2) Đạt giải trong các cuộc thi quốc tế trong các lĩnh vực được Hội đồng Tuyển sinh xem xét và quyết định.

#### **8.3.3. Điểm xét tuyển**

- Điểm xét tuyển bao gồm:

- (1) Tổng của điểm trung bình cộng kết quả học tập của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển vào Học viện thuộc 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đã lựa chọn để tham gia xét tuyển;
- (2) Điểm phỏng vấn;
- (3) Điểm ưu tiên.

- Đối với các ngành **Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Luật quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Truyền thông quốc tế, Châu Á - Thái Bình Dương học và Luật thương mại quốc tế**:

Công thức tính điểm xét tuyển: Điểm xét tuyển = A+B+C+D+E

Trong đó: A & B & C: là điểm trung bình cộng kết quả học tập của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển vào Học viện thuộc 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đã lựa chọn để tham gia xét tuyển.

D: là điểm Phỏng vấn (tính trên thang 10).

E: là điểm ưu tiên.

- Đối với ngành **Ngôn ngữ Anh**:

Công thức tính điểm xét tuyển: Điểm xét tuyển = Ax2+B+C+D+E

Trong đó: A: là điểm trung bình cộng kết quả học tập của môn tiếng Anh thuộc 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đã lựa chọn để tham gia xét tuyển.

B & C: là điểm trung bình chung học tập của 02 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển thuộc 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đã lựa chọn để tham gia xét tuyển.

D: là điểm Phỏng vấn (tính trên thang 10).

E: là điểm ưu tiên.

- Điểm ưu tiên bao gồm:

- Điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Điểm ưu tiên theo quy định của Học viện tại mục 5, phần II của Đề án tuyển sinh.

- Điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển của từng ngành đào tạo sẽ tính từ trên xuống dưới đến hết chỉ tiêu.

- Chênh lệch điểm giữa các tổ hợp môn xét tuyển dự kiến như sau:

- Tổ hợp môn xét tuyển D03, D04 thấp hơn tổ hợp môn xét tuyển A00, A01, D01, D06 và D07 là 1.0 điểm.
- Tổ hợp môn xét tuyển C00 cao hơn tổ hợp môn xét tuyển A00, A01, D01, D06 và D07 từ 1.0 - 1.5 điểm.

#### **8.3.4. Tiêu chí phụ xét tuyển**

Trong trường hợp tại ngưỡng điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển ĐẠT của từng ngành

đào tạo có số lượng thí sinh nhiều hơn số chỉ tiêu, Học viện sẽ sử dụng tiêu chí phụ theo thứ tự ưu tiên lần lượt như sau:

- Nguyên vọng cao hơn.
- Điểm Phỏng vấn.

### **8.3.5. Quy trình nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển sớm theo quy định của Học viện Ngoại giao**

**Bước 1:** Thí sinh đăng ký xét tuyển sớm tại Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ website: <https://tuyensinh.dav.edu.vn> và in Phiếu đăng ký.

**Bước 2:** Chuẩn bị hồ sơ, gồm có:

- Phiếu đăng ký ở Bước 1;
- Bản sao được chứng thực:
  - Giấy xác nhận có năng lực/ thành tích đặc biệt trong các lĩnh vực Văn hóa, Nghệ thuật, Khoa học, Thể thao, Báo chí - Truyền thông,... của cấp có thẩm quyền (trương đương từ cấp Tỉnh/ Thành phố trực thuộc TW trở lên); hoặc Giấy chứng nhận đoạt giải trong các cuộc thi quốc tế;
  - Học bạ THPT hoặc kết quả học tập THPT có xác nhận của trường THPT (nếu chưa có học bạ THPT);
  - Các giấy tờ ưu tiên theo khu vực và đối tượng nếu có.

**Bước 3:** Nộp hồ sơ trực tiếp trong giờ hành chính (sáng: từ 08h30 - 11h30, chiều: từ 14h00 - 17h00) tại Tầng 1, Nhà D, Học viện Ngoại giao hoặc gửi hồ sơ bằng đường bưu điện từ ngày 19/06 đến trước 17h00 ngày 02/07/2022 (tính theo dấu bưu điện) đến địa chỉ: Phòng Đào tạo Đại học, Phòng 109, Nhà D, Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

**Lưu ý:** Thí sinh cần đăng ký xét tuyển trên hệ thống Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.

## **8.4. XÉT TUYỂN SỚM DỰA TRÊN KẾT QUẢ PHỎNG VẤN - Mã phương thức xét tuyển 412**

**8.4.1. Chỉ tiêu:** 2% tổng chỉ tiêu cho mỗi ngành.

### **8.4.2. Đối tượng xét tuyển**

Ngoài các điều kiện chung theo quy định, thí sinh đăng ký xét tuyển cần đáp ứng các điều kiện bắt buộc sau để được xét tuyển theo phương thức này:

- Tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở

Việt Nam; hoặc có thời gian học tập ở nước ngoài và ở Việt Nam, tốt nghiệp chương trình THPT ở Việt Nam;

- Có một trong các Chứng chỉ quốc tế còn giá trị sử dụng tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển sau đây:

- **Tiếng Anh:** IELTS Academic từ 6.0 trở lên, hoặc TOEFL iBT từ 60 trở lên, hoặc các Chứng chỉ Cambridge English Qualifications từ 169 điểm trở lên, hoặc SAT từ 1200 trở lên, hoặc ACT từ 25 điểm trở lên.
- **Tiếng Pháp:** từ DELF-B1 trở lên hoặc TCF từ 300 điểm trở lên.
- **Tiếng Trung Quốc:** từ HSK 4 (mức điểm từ 270) trở lên.
- **Tiếng Hàn Quốc:** từ Topik 3 trở lên.
- **Tiếng Nhật Bản:** từ N3 trở lên.

**Lưu ý:** Nếu thí sinh có các Chứng chỉ quốc tế không được liệt kê ở trên, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét và quyết định.

#### **8.4.3. Điểm xét tuyển**

- Điểm xét tuyển bao gồm:

- (1) Điểm Phỏng vấn;
- (2) Điểm ưu tiên.

- Công thức tính điểm xét tuyển: Điểm xét tuyển = A+B

Trong đó: A: là điểm Phỏng vấn (tính trên thang 10).

B: là điểm ưu tiên.

- Điểm ưu tiên bao gồm:

- Điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Điểm ưu tiên theo quy định của Học viện tại mục 5, phần II của Đề án tuyển sinh.

- Điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển của từng ngành đào tạo sẽ tính từ trên xuống dưới đến hết chỉ tiêu.

#### **8.4.4. Tiêu chí phụ xét tuyển**

Trong trường hợp tại ngưỡng điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển ĐẠT của từng ngành đào tạo có số lượng thí sinh nhiều hơn số chỉ tiêu, Học viện sẽ sử dụng tiêu chí phụ theo thứ tự ưu tiên lần lượt như sau:

- Nguyên vọng cao hơn.
- Điểm Phỏng vấn.

#### **8.4.5. Quy trình nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển sớm theo quy định của Học viện Ngoại giao**

**Bước 1:** Chuẩn bị hồ sơ, gồm có:

- Phiếu đăng ký xét tuyển sớm vào đại học chính quy năm 2022 theo mẫu của Học viện Ngoại giao [tại đây](#);

- Bản sao được chứng thực:

- Chứng chỉ quốc tế;
- Học bạ THPT hoặc kết quả học tập THPT có xác nhận của trường THPT (nếu chưa có học bạ THPT);
- Các giấy tờ ưu tiên theo khu vực và đối tượng nếu có.

**Bước 2:** Nộp hồ sơ trực tiếp trong giờ hành chính (sáng: từ 08h30 - 11h30, chiều: từ 14h00 - 17h00) tại Tầng 1, Nhà D, Học viện Ngoại giao hoặc gửi hồ sơ bằng đường bưu điện từ ngày 19/06 đến trước 17h00 ngày 02/07/2022 (tính theo dấu bưu điện) đến địa chỉ: Phòng Đào tạo Đại học, Phòng 109, Nhà D, Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

**Lưu ý:** Thí sinh cần đăng ký xét tuyển trên hệ thống Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.

#### **8.5. XÉT TUYỂN DỰA TRÊN KẾT QUẢ KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022 - Mã phương thức xét tuyển 100**

**8.5.1. Chỉ tiêu:** 25% tổng chỉ tiêu cho mỗi ngành.

##### **8.5.2. Đối tượng xét tuyển**

Ngoài các điều kiện chung theo quy định, thí sinh có đầy đủ các điều kiện sau được nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- Tốt nghiệp THPT.

- Tham dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, có tổng điểm xét tuyển và điểm ưu tiên khu vực và đối tượng đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Học viện Ngoại giao quy định trở lên, và không có môn thi nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ **1.0 (một)** điểm trở xuống.

- Đối với phương thức xét tuyển này, Học viện Ngoại giao không sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ; không sử dụng kết quả điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi Tốt nghiệp THPT, kỳ thi THPT quốc gia các năm trước để xét tuyển trong năm 2022; không cộng điểm ưu tiên thí sinh có chứng chỉ nghề; không áp dụng điểm ưu tiên theo quy định của Học viện tại mục 5, phần II của Đề án tuyển sinh.

##### **8.5.3. Điểm xét tuyển**

- Điểm xét tuyển bao gồm:

(1) Tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển;

(2) Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Công thức tính điểm xét tuyển:

➤ Đối với ngành **Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Luật quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Truyền thông quốc tế, Châu Á - Thái Bình Dương học và Luật thương mại quốc tế**: Điểm xét tuyển = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3) + Điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có).

➤ Đối với ngành **Ngôn ngữ Anh**: Điểm xét tuyển = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn Tiếng Anh x 2) + Điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng được quy đổi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có).

- Chênh lệch điểm giữa các tổ hợp môn xét tuyển dự kiến như sau:

➤ Tổ hợp môn xét tuyển D03, D04 thấp hơn tổ hợp môn xét tuyển A00, A01, D01, D06 và D07 là 1.0 điểm.

➤ Tổ hợp môn xét tuyển C00 cao hơn tổ hợp môn xét tuyển A00, A01, D01, D06 và D07 từ 1.0 - 1.5 điểm.

#### **8.5.4. Tiêu chí phụ xét tuyển**

Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, Học viện sẽ sử dụng tiêu chí phụ theo thứ tự ưu tiên lần lượt như sau:

- Nguyên vọng cao hơn.

- Điểm thi môn Ngoại ngữ đối với các thí sinh sử dụng tổ hợp môn xét tuyển A01, D01, D03, D04, D06, D07; hoặc môn Ngữ văn đối với các thí sinh sử dụng tổ hợp môn xét tuyển C00; hoặc môn Toán đối với các thí sinh sử dụng tổ hợp môn xét tuyển A00 để xác định danh sách thí sinh trúng tuyển.

**8.5.5. Tổ chức xét tuyển:** Theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**8.5.6. Công bố kết quả xét tuyển:** Theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **9. TỔ CHỨC TUYỂN SINH**

- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển dựa trên Kết quả học tập THPT (*mục 8.2, phần II của Đề án tuyển sinh*) và xét tuyển dựa trên Kết quả học tập THPT và Phỏng vấn (*mục 8.3, phần II của Đề án tuyển sinh*): Thí sinh đăng ký xét tuyển sớm tại Công thông tin tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ website: <https://tuyensinh.dav.edu.vn> và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Học viện.

- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*mục 8.1, phần II của Đề án tuyển sinh*) và xét tuyển dựa trên Kết

quả Phỏng vấn (mục 8.4, phần II của Đề án tuyển sinh): Thí sinh KHÔNG đăng ký xét tuyển tại Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện, mà điền Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Học viện và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Học viện.

- Kế hoạch tuyển sinh có thể thay đổi tùy thuộc vào hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề nghị thí sinh thường xuyên theo dõi trên các trang thông tin điện tử chính thức của Học viện để được cập nhật.

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Kế hoạch tuyển sinh</b>
<b>I. Đối với thí sinh xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (mục 8.1, phần II của Đề án tuyển sinh) - Mã phương thức xét tuyển 301</b>		
1	Thí sinh điền Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng/ ưu tiên xét tuyển vào đại học chính quy năm 2022 theo mẫu của Học viện	Từ 19/06 đến trước 17h00 ngày 02/07/2022
2	Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp trong giờ hành chính tại Tầng 1, Nhà D, Học viện Ngoại giao hoặc gửi hồ sơ bằng đường bưu điện	Từ 19/06 đến trước 17h00 ngày 02/07/2022
3	Học viện thông báo kết quả xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển cho thí sinh	Dự kiến trước 10/07/2022
4	Thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia	Từ ngày 22/07 đến 17h00 ngày 20/08/2022
5	Học viện công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với đối tượng ưu tiên xét tuyển	Trước 17h00 ngày 02/08/2022
6	Học viện thực hiện quy trình xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và thông báo thí sinh trúng tuyển chính thức	Từ ngày 01/09 đến 17h00 ngày 17/09
7	Thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Từ ngày 22/07 đến 17h00 ngày 20/08/2022
8	Học viện gửi Giấy báo trúng tuyển kèm Hướng dẫn nhập học cho thí sinh	Theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện
<b>II. Đối với các thí sinh xét tuyển sớm dựa trên Kết quả học tập THPT (mục 8.2, phần II của Đề án tuyển sinh) - Mã phương thức xét tuyển 200</b>		
1	Thí sinh đăng ký xét tuyển sớm tại Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ website: <a href="https://tuyensinh.dav.edu.vn">https://tuyensinh.dav.edu.vn</a>	Từ 19/06 đến trước 17h00 ngày 02/07/2022

2	Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp trong giờ hành chính tại Tầng 1, Nhà D, Học viện Ngoại giao hoặc gửi hồ sơ bằng đường bưu điện	Từ 19/06 đến trước 17h00 ngày 02/07/2022
3	Học viện tổ chức xét tuyển sớm Đợt 1 và thông báo kết quả xét tuyển sớm dự kiến	Dự kiến trước 10/07/2022
4	Thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia	Từ ngày 22/07 đến 17h00 ngày 20/08/2022
5	Học viện công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào	Trước 17h00 ngày 02/08/2022
6	Học viện thực hiện quy trình xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và thông báo thí sinh trúng tuyển chính thức	Từ ngày 01/09 đến 17h00 ngày 17/09
7	Thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trước 17h00 ngày 30/09/2022
8	Học viện gửi Giấy báo trúng tuyển kèm Hướng dẫn nhập học cho thí sinh	Theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện

**III. Đối với các thí sinh xét tuyển sớm dựa trên Kết quả học tập THPT và Phỏng vấn (mục 8.3, phần II của Đề án tuyển sinh) - Mã phương thức xét tuyển 414**

1	Thí sinh đăng ký xét tuyển sớm tại Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ website: <a href="https://tuyensinh.dav.edu.vn">https://tuyensinh.dav.edu.vn</a>	Từ 19/06 đến trước 17h00 ngày 02/07/2022
2	Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp trong giờ hành chính tại Tầng 1, Nhà D, Học viện Ngoại giao hoặc gửi hồ sơ bằng đường bưu điện	Từ 19/06 đến trước 17h00 ngày 02/07/2022
3	Học viện tổ chức xét duyệt hồ sơ và thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ cho thí sinh	Dự kiến trước ngày 05/07/2022
4	Học viện tổ chức Phỏng vấn, xét tuyển sớm Đợt 1 và thông báo kết quả xét tuyển sớm dự kiến	Dự kiến trước 10/07/2022
5	Thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia	Từ ngày 22/07 đến 17h00 ngày 20/08/2022
6	Học viện công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào	Trước 17h00 ngày 02/08/2022
7	Học viện thực hiện quy trình xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và thông báo thí sinh trúng tuyển chính thức	Từ ngày 01/09 đến 17h00 ngày 17/09



8	Thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trước 17h00 ngày 30/09/2022
9	Học viện gửi Giấy báo trúng tuyển kèm Hướng dẫn nhập học cho thí sinh	Theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện
<b>IV. Đối với các thí sinh xét tuyển sớm dựa trên Kết quả Phỏng vấn (mục 8.4, phần II của Đề án tuyển sinh) - Mã phương thức xét tuyển 412</b>		
1	Thí sinh điền Phiếu đăng ký xét tuyển sớm vào đại học chính quy năm 2022 theo mẫu của Học viện	Từ 19/06 đến trước 17h00 ngày 02/07/2022
2	Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp trong giờ hành chính tại Tầng 1, Nhà D, Học viện Ngoại giao hoặc gửi hồ sơ bằng đường bưu điện	Từ 19/06 đến trước 17h00 ngày 02/07/2022
3	Học viện tổ chức xét duyệt hồ sơ và thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ cho thí sinh	Dự kiến trước ngày 05/07/2022
4	Học viện tổ chức Phỏng vấn, xét tuyển sớm Đợt 1 và thông báo kết quả xét tuyển sớm dự kiến	Dự kiến trước 10/07/2022
5	Thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia	Từ ngày 22/07 đến 17h00 ngày 20/08/2022
6	Học viện công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào	Trước 17h00 ngày 02/08/2022
7	Học viện thực hiện quy trình xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và thông báo thí sinh trúng tuyển chính thức	Từ ngày 01/09 đến 17h00 ngày 17/09
8	Thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trước 17h00 ngày 30/09/2022
9	Học viện gửi Giấy báo trúng tuyển kèm Hướng dẫn nhập học cho thí sinh	Theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện
<b>V. Đối với thí sinh xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 (mục 8.5, phần II của Đề án tuyển sinh) - Mã phương thức xét tuyển 100</b>		
1	Thí sinh đăng ký xét tuyển theo hướng dẫn và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Từ ngày 22/07 đến 17h00 ngày 20/08/2022
2	Học viện công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào	Trước 17h00 ngày 02/08/2022
3	Học viện thực hiện quy trình xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và thông báo thí sinh trúng tuyển	Từ ngày 01/09 đến 17h00 ngày 17/09

4	Thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trước 17h00 ngày 30/09/2022
5	Học viện gửi Giấy báo trúng tuyển kèm Hướng dẫn nhập học cho thí sinh	Theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện

**Lưu ý:**

- Ngoài việc đăng ký theo quy định của Học viện, tất cả thí sinh đăng ký xét tuyển vào Học viện cần thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thí sinh cung cấp đầy đủ và đảm bảo về tính chính xác của tất cả thông tin và các giấy tờ minh chứng xét tuyển. Kết quả xét tuyển sớm dự kiến được đưa ra dựa trên thông tin hồ sơ thí sinh cung cấp. Sau quá trình hậu kiểm, Học viện bảo lưu quyền thay đổi kết quả xét tuyển sớm dự kiến nếu phát hiện ra sai sót, nhầm lẫn trong hồ sơ thí sinh cung cấp.

- Trong quá trình đăng ký xét tuyển tại Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ website: <https://tuyensinh.dav.edu.vn>, nếu thí sinh gặp các vấn đề liên quan đến kỹ thuật có thể liên hệ bộ phận tuyển sinh của Học viện theo thông tin tại mục 13, phần II của Đề án tuyển sinh để được hỗ trợ.

**10. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC ĐỂ THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO CÁC NGÀNH CỦA HỌC VIỆN**

**10.1. Thông tin về các ngành của Học viện**

- Mã trường: HQT

- Tên ngành, Mã ngành, Mã xét tuyển, Chỉ tiêu, Tổ hợp xét tuyển năm 2022

STT	Mã xét tuyển	Tên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển							
				A00	A01	C00	D01	D03	D04	D06	D07
1	HQT01	Quan hệ quốc tế	450		X	X	X	X	X	X	X
2	HQT02	Ngôn ngữ Anh	200		X		X				X
3	HQT03	Kinh tế quốc tế	250	X	X		X	X	X	X	X
4	HQT04	Luật quốc tế	200		X	X	X	X	X	X	X
5	HQT05	Truyền thông quốc tế	450		X	X	X	X	X	X	X
6	HQT06	Kinh doanh quốc tế	200	X	X		X	X	X	X	X
7	HQT07	Luật thương mại quốc tế	100		X	X	X	X	X	X	X

STT	Mã xét tuyển	Tên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển							
				A00	A01	C00	D01	D03	D04	D06	D07
8	HQT08	Châu Á - Thái Bình Dương học	160								
	HQT08-01	Hàn Quốc học	40		X	X	X				X
	HQT08-02	Hoa Kỳ học	40		X	X	X				X
	HQT08-03	Nhật Bản học	40		X	X	X			X	X
	HQT08-04	Trung Quốc học	40		X	X	X		X		X

### 10.2. Mã phương thức xét tuyển, Chỉ tiêu theo từng phương thức xét tuyển

TT	Tên phương thức ĐKXT	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu
1	Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ( <i>mục 8.1, phần II của Đề án tuyển sinh</i> )	301	59
2	Xét tuyển sớm dựa trên Kết quả học tập THPT ( <i>mục 8.2, phần II của Đề án tuyển sinh</i> )	200	1348
3	Xét tuyển sớm dựa trên Kết quả học tập THPT và Phỏng vấn ( <i>mục 8.3, phần II của Đề án tuyển sinh</i> )	414	59
4	Xét tuyển sớm dựa trên Kết quả Phỏng vấn ( <i>mục 8.4, phần II của Đề án tuyển sinh</i> )	412	41
5	Xét tuyển sớm dựa trên Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT 2022 ( <i>mục 8.5, phần II của Đề án tuyển sinh</i> )	100	503

### 10.3. Phương thức đào tạo

Với hơn 60 năm truyền thống phát triển vững vàng trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng, Học viện Ngoại giao đã và đang triển khai phương thức đào tạo tiên tiến, lấy người học làm trung tâm, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao hướng tới chuẩn khu vực và quốc tế. Cụ thể như sau:

- Chương trình đào tạo: tiên tiến, cập nhật, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động. Các học phần được thiết kế sáng tạo theo đặc thù của từng ngành, bao gồm các hoạt động thực hành và thực tế. Chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành tại Học viện được thông tin chi tiết tại trang thông tin điện tử chính thức của Học viện. Cụ thể như sau:

- Ngành Quan hệ quốc tế : <https://static.dav.edu.vn/files/2021/06/02/ctdt->

[nganh-qhqt.pdf](#)

- Ngành Ngôn ngữ Anh : <https://static.dav.edu.vn/files/2021/06/02/ctdt-nganh-nna.pdf>
- Ngành Kinh tế quốc tế : <https://static.dav.edu.vn/files/2021/06/02/ctdt-nganh-ktqt.pdf>
- Ngành Luật quốc tế : <https://static.dav.edu.vn/files/2021/06/02/ctdt-nganh-lqt.pdf>
- Ngành Truyền thông quốc tế : <https://static.dav.edu.vn/files/2022/04/19/ttqt-2022.pdf>
- Ngành Kinh doanh quốc tế : <https://static.dav.edu.vn/files/2021/06/02/ban-mo-ta-ctdt-nganh-kdqt-he-clc.pdf>
- Ngành Luật thương mại quốc tế:  
<https://static.dav.edu.vn/images/majors/chuong-trinh-dao-tao-luat-thuong-mai-quoc-te-update.pdf>
- Ngành Châu Á - Thái Bình Dương học:  
<https://static.dav.edu.vn/images/majors/chuong-trinh-dao-tao-chau-a-thai-binh-duong.pdf>

- Đội ngũ giảng viên:

- Phần lớn đội ngũ giảng viên được đào tạo tại các trường đại học hàng đầu thế giới. Bên cạnh đó, giảng viên còn là các nhà ngoại giao với nhiều kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực đối ngoại và hội nhập quốc tế.
- Đội ngũ cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm nhiệt tình tư vấn và giải đáp các thắc mắc của sinh viên về học tập cũng như định hướng nghề nghiệp.

- Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo: Giảng đường, phòng học đa năng, đa phương tiện được trang bị thiết bị hiện đại, được sử dụng Thư viện điện tử với nguồn học liệu trong nước và nước ngoài.

- Chương trình hỗ trợ học tập:

- Hoạt động hỗ trợ học tập dành cho sinh viên được tổ chức chuyên nghiệp, hình thức phong phú như tọa đàm chuyên đề cùng các chuyên gia, diễn giả nổi tiếng, giàu kinh nghiệm; tham quan thực tế, giao lưu trong nước và quốc tế,...
- Hoạt động nghiên cứu khoa học: Sinh viên được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, tham gia Câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, hỗ trợ các

đề tài nghiên cứu của Viện Biển Đông và Viện Nghiên cứu Chiến lược Ngoại giao tại Học viện Ngoại giao, được tham dự các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; được tham gia các cuộc thi trong nước và quốc tế nhằm khơi dậy tiềm năng trong nghiên cứu và học tập.

- Hoạt động hợp tác quốc tế: Sinh viên được tham dự các hoạt động hỗ trợ các hội nghị quốc tế lớn được tổ chức tại Việt Nam, tham gia trao đổi học thuật và trao đổi sinh viên theo Chương trình thỏa thuận giữa Học viện Ngoại giao các trường đại học đối tác tại nước ngoài.

- Học phần Ngoại ngữ tại Học viện:

- Ngoại ngữ 1: là học phần bắt buộc và sinh viên được lựa chọn một trong các ngoại ngữ sau: tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Pháp hoặc tiếng Trung Quốc (nếu số lượng đăng ký đáp ứng yêu cầu về quy mô lớp học).
- Ngoại ngữ 2: là học phần tự chọn và sinh viên được lựa chọn một trong các ngoại ngữ sau: tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Hàn, tiếng Nga, tiếng Nhật, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha hoặc tiếng Trung Quốc (nếu số lượng đăng ký đáp ứng yêu cầu về quy mô lớp học). Đối với ngành Châu Á - Thái Bình Dương học và Luật thương mại quốc tế, thí sinh trúng tuyển được lựa chọn học Ngoại ngữ 2 bất kỳ (nếu số lượng đăng ký đáp ứng yêu cầu về quy mô lớp học) và đóng học phí theo quy định riêng của Học viện.
- Đối với ngành Ngôn ngữ Anh, thí sinh trúng tuyển học Ngoại ngữ 1 là tiếng Anh. Đối với ngành Châu Á - Thái Bình Dương học, thí sinh trúng tuyển học Ngoại ngữ 1 phù hợp với chuyên ngành đã lựa chọn (tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật hoặc tiếng Trung Quốc).

- Chương trình đào tạo song bằng: Sinh viên được đăng ký học chương trình đào tạo thứ hai nếu có nguyện vọng và đáp ứng yêu cầu về học tập. Khi tốt nghiệp, sinh viên được cấp 02 bằng tốt nghiệp, 02 bằng điểm của 02 ngành.

- Chương trình hướng nghiệp/ Thực tập: Sinh viên được định hướng nghề nghiệp qua sự tư vấn trực tiếp của các Đại sứ, cựu Đại sứ của Việt Nam ngay từ năm nhất thông qua việc tham gia Chương trình Hành trình phát triển bản thân cùng Đại sứ; ngay từ năm thứ hai được giới thiệu thực tập tại Bộ Ngoại giao, Bộ Công thương, các Sở Ngoại vụ, các tổ chức, doanh nghiệp, tập đoàn, cơ quan thông tấn báo chí, các Đại sứ quán và tổ chức quốc tế tại Việt Nam, các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài; được ưu

tiên giới thiệu cơ hội nghề nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc có cơ hội được tuyển dụng làm giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện, Bộ Ngoại giao, các Bộ, Ban, ngành Trung ương và địa phương.

- Chương trình trao đổi sinh viên: Sinh viên có cơ hội tham gia các chương trình trao đổi sinh viên ngắn hạn tại các trường đại học đối tác của Học viện như Đại học Sungshin (Hàn Quốc), Đại học Laval (Canada), Đại học Chulalongkorn (Thái Lan), Đại học New South Wales (Úc), Đại học MGIMO (Liên bang Nga), Đại học Fulbright (Việt Nam),...

- Cơ hội việc làm: Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ có cơ hội làm việc tại các Bộ, Ban, ngành; các tổ chức quốc tế; các cơ quan đại diện nước ngoài ở Việt Nam; các hãng thông tấn báo chí; các doanh nghiệp trong và ngoài nước;...

## 11. LỆ PHÍ XÉT TUYỂN

- Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022: Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với các phương thức xét tuyển còn lại:

- Mức thu lệ phí: 100.000 đồng/ hồ sơ.
- Phương thức thu lệ phí: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua bưu điện hoặc chuyển khoản qua tài khoản:
  - Tên tài khoản: **Học viện Ngoại giao**
  - Số tài khoản: **26110003456668** - Ngân hàng BIDV Tràng An
  - Nội dung chuyển khoản: **Họ và tên thí sinh\_Mã ĐKXT**

## 12. CHÍNH SÁCH HỌC PHÍ VÀ HỌC BỔNG

### 12.1. Chính sách học phí

Chính sách học phí được Học viện Ngoại giao thực hiện theo Điều 8 và Điều 11 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ.

- Đối với chương trình đào tạo ngành Quan hệ quốc tế, Ngôn ngữ Anh, Kinh tế quốc tế, Luật quốc tế, Truyền thông quốc tế đã đạt chuẩn kiểm định chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Kinh doanh quốc tế, Học viện xây dựng mức học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/08/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Riêng năm học 2022-2023, trong bối cảnh nền kinh tế mới bắt đầu phục hồi sau ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và nhằm chia sẻ khó khăn với phụ huynh, sinh viên, Học viện dự kiến mức thu học phí như sau:

STT	Ngành đào tạo	Mức học phí (đồng/tháng/sinh viên)
1	Quan hệ quốc tế	4.150.000
2	Ngôn ngữ Anh	4.150.000
3	Kinh tế quốc tế	4.150.000
4	Luật quốc tế	4.150.000
5	Truyền thông quốc tế	4.150.000
6	Kinh doanh quốc tế	4.150.000

- Đối với chương trình đào tạo ngành Luật thương mại quốc tế và Châu Á - Thái Bình Dương học, Học viện dự kiến mức thu học phí như sau:

STT	Ngành đào tạo	Mức học phí (đồng/tháng/sinh viên)
1	Châu Á - Thái Bình Dương học	1.900.000
2	Luật thương mại quốc tế	1.900.000

- Mức tăng học phí hàng năm không quá 10%.

## 12.2. Chính sách học bổng và hỗ trợ tài chính

- Học viện Ngoại giao thực hiện quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo do Chính phủ ban hành theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021.

- Nhằm thúc đẩy tinh thần học tập trong sinh viên và đảm bảo khả năng tiếp cận giáo dục đại học với sinh viên có hoàn cảnh khó khăn nỗ lực vươn lên trong học tập, Học viện đã thực hiện nhiều hình thức khuyến khích học tập và hỗ trợ tài chính cho sinh viên. Các chương trình học bổng đã được triển khai đến năm học 2021-2022 tại Học viện bao gồm:

(i) Học bổng Khuyến khích học tập: dành cho sinh viên có thành tích học tập tốt, có điểm Trung bình chung (TBC) học tập tối thiểu từ Khá trở lên, được trao theo từng học kỳ với các mức dành cho sinh viên có TBC Xuất sắc là 140% học phí của học kỳ, TBC Giỏi là 120% học phí của học kỳ và TBC Khá là 100% học phí của học kỳ. Số lượng học bổng được quy định cụ thể từng năm dựa trên kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên được Hội đồng thi đua khen thưởng của Học viện xem xét và quyết định.

(ii) Học bổng Khuyến học Nguyễn Cơ Thạch: dành cho sinh viên tài năng có thành tích học tập, hoạt động ngoại khóa xuất sắc và có tố chất lãnh đạo, trị giá từ 10.000.000 đồng - 30.000.000 đồng/suất. Năm 2021 là năm đầu tiên Học viện triển khai chương trình này và đã trao tặng cho 09 sinh viên xuất sắc của Học viện.

(iii) Học bổng Thắp sáng Ước mơ: dành cho sinh viên từ năm 2 trở lên có hoàn cảnh khó khăn, vươn lên trong học tập. Số lượng học bổng đã cấp trong năm học 2021-2022 là 40 suất học bổng, trị giá 5.000.000 đồng/suất. Bên cạnh nguồn đóng góp từ các cá nhân, tổ chức truyền thống, từ năm học 2022-2023, BIDV Tràng An sẽ tài trợ cho Quỹ Học bổng Thắp sáng Ước mơ 100.000.000 đồng/năm trong 03 năm.

(iv) Học bổng Raymond Reamy: dành cho sinh viên từ năm 2 trở lên có hoàn cảnh khó khăn và đạt thành tích tốt trong học tập môn tiếng Anh. Số lượng học bổng cấp cho từng năm học là tối đa 15 suất với trị giá là 3.000.000 - 5.000.000 đồng/suất.

(v) Học bổng Korcham (Hiệp hội doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam): dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và kết quả học tập đạt loại Giỏi trở lên với trị giá là 10.000.000 đồng/suất. Trong năm học 2020-2021, 20 suất học bổng được trao riêng cho sinh viên Học viện.

(vi) Học bổng SCIC (Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước) - Nâng bước tài năng trẻ: dành cho sinh viên năm thứ 4 có kết quả học tập xuất sắc, tích cực trong các hoạt động ngoại khóa với mức học bổng là 10.000.000 đồng/suất. Trong năm học 2021-2022, 05 bạn sinh viên Học viện Ngoại giao đã được trao học bổng này.

(vii) Học bổng Thắp sáng niềm tin (PVcomBank): Trong năm học 2021-2022, 08 suất học bổng toàn phần (tối đa 20.000.000 đồng/năm/suất, gồm Học phí + Sinh hoạt phí) đã được trao cho tân sinh viên hiếu học có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

(viii) Học bổng Vingroup (Quỹ Thiện Tâm): 09 suất học bổng trị giá 50% học phí của một năm học dành cho sinh viên đạt kết quả tốt trong học tập, gia đình và bản thân gặp những khó khăn đặc biệt.

(ix) Trong giai đoạn Covid-19 vừa qua, Học viện đã trao một số phần quà dành cho sinh viên gặp khó khăn do dịch Covid-19 và 20 suất học bổng trị giá 2.000.000 đồng/suất từ các đối tác là công ty Japan Airlines và ngân hàng VP Bank.

*Từ năm học 2022-2023, bên cạnh các chương trình học bổng và hỗ trợ tài chính thường niên, tân sinh viên có cơ hội nhận được những học bổng sau đây khi trúng tuyển và nhập học tại Học viện Ngoại giao:*

(x) Học bổng dành cho Thủ khoa đầu vào của Học viện: nhằm vinh danh các Thủ khoa đầu vào của Học viện, sinh viên đạt kết quả trúng tuyển cao nhất theo các phương thức xét tuyển tại mục 8.1, 8.2, 8.3 và 8.5, phần II của Đề án tuyển sinh đối với từng ngành đào tạo sẽ nhận được học bổng trị giá 5.000.000 đồng/suất. Học viện sẽ triển khai và trao tặng học bổng ngay sau khi sinh viên hoàn thành thủ tục nhập học.



(xi) Học bổng Chắp cánh tương lai: nhằm khuyến khích và đồng hành cùng các bạn tân sinh viên có hoàn cảnh khó khăn trúng tuyển vào Học viện theo các phương thức xét tuyển tại mục 8.1, 8.2, 8.3 và 8.5, phần II của Đề án tuyển sinh Học viện Ngoại giao sẽ trao tặng 20 suất học bổng, mỗi suất trị giá 80% học phí của năm học đầu tiên. Với học bổng này, thí sinh có thể đăng ký theo mẫu [tại đây](#) và nộp hồ sơ đăng ký xét học bổng trước ngày 02/07/2022.

### **13. THÔNG TIN LIÊN HỆ GIẢI ĐÁP THẮC MẮC TRONG QUÁ TRÌNH ĐĂNG KÝ DỰ THI, ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC**

Thí sinh muốn biết thêm thông tin tuyển sinh của Học viện Ngoại giao hoặc thông tin về các ngành đào tạo, đề nghị liên hệ: Phòng Đào tạo Đại học, Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

- Hotline: 0943.482.840 hoặc 0936.018.433
- Email: [tuyensinhhvng@dav.edu.vn](mailto:tuyensinhhvng@dav.edu.vn)
- Website: <https://www.dav.edu.vn>
- Fanpage: Tư vấn Tuyển sinh Học viện Ngoại giao

### **14. TUYỂN SINH CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO**

Chương trình đào tạo cử nhân quốc tế liên kết giữa Học viện Ngoại giao với (i) Đại học Victoria Wellington (New Zealand) Khóa 15; (ii) Đại học Flinders (Úc) Khóa 1; và (iii) Đại học Monash (Úc) Khóa 1. Thông tin cụ thể như sau:

#### **14.1. Ngành đào tạo**

- Chương trình liên kết với ĐH Victoria Wellington: Ngành Quan hệ Quốc tế, Khoa học Chính trị, Truyền thông.
- Chương trình liên kết với ĐH Flinders: Ngành Ngôn ngữ (Ngôn ngữ Anh).
- Chương trình liên kết với ĐH Monash: Ngành Kinh doanh quốc tế.

#### **14.2. Phương thức xét tuyển**

- Xét hồ sơ tuyển thẳng.

#### **14.3. Đối tượng xét tuyển**

Thí sinh đăng ký đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Học sinh tốt nghiệp THPT trong nước hoặc nước ngoài.
- Sinh viên đang theo học các trường đại học trong nước hoặc nước ngoài.

#### **14.4. Tiêu chí xét tuyển**

- Tốt nghiệp THPT trong nước/nước ngoài;
- Đạt IELTS Academic từ 5.5 trở lên (trong đó không có kỹ năng nào dưới 5.5),

hoặc TOEFL iBT tương đương.

#### **14.5. Thời gian nhập học dự kiến**

- Tháng 10/2022 (tuyển sinh bổ sung tháng 02/2023)

#### **14.6. Thời gian đào tạo**

- Chương trình liên kết với ĐH Victoria Wellington: 1,5 năm học tại Học viện Ngoại giao; 1,5 năm học tại New Zealand.

- Chương trình liên kết với ĐH Flinders: 02 năm học tại Học viện Ngoại giao; 01 năm học tại Úc.

- Chương trình liên kết với ĐH Monash: 01 năm học tại Học viện Ngoại giao; 02 năm học tại Úc.

#### **14.7. Văn bằng**

- Bằng Cử nhân Quan hệ quốc tế, Khoa học Chính trị, Truyền thông do trường Đại học Victoria Wellington cấp.

- Bằng Cử nhân Ngôn ngữ do Đại học Flinders cấp.

- Bằng Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế do trường Đại học Monash cấp.

Bằng cấp hoàn toàn giống như sinh viên học toàn thời gian tại Đại học Victoria Wellington, Đại học Flinders, Đại học Monash và được công nhận toàn cầu.

#### **14.8. Thông tin liên hệ**

Thí sinh muốn biết thêm thông tin tuyển sinh về Chương trình liên kết đào tạo, đề nghị liên hệ: Chương trình Liên kết đào tạo, Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

- Hotline: 0339 866 406 - 0904 509 769

- Email: lienketdaotaohvng@dav.edu.vn

- Fanpage: Chương trình Cử nhân quốc tế - Học viện Ngoại giao

### **15. TUYỂN SINH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, NGHIỆP VỤ ĐỐI NGOẠI, NGOẠI NGỮ, KỸ NĂNG BIÊN PHIÊN DỊCH**

Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đối ngoại (FOSET) là đơn vị thuộc Học viện Ngoại giao, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ đối ngoại, ngoại ngữ, kỹ năng biên phiên dịch cho đội ngũ công chức, viên chức của Bộ Ngoại giao, công chức, viên chức làm công tác đối ngoại của các Bộ, ngành, địa phương và cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Hằng năm, Trung tâm FOSET tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ,

công chức, viên chức Bộ Ngoại giao, các Bộ, ngành và các địa phương; triển khai các Đề án Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hội nhập quốc tế được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Các đề án này có vai trò quan trọng trong công tác bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực làm công tác hội nhập quốc tế của các Bộ, ngành và địa phương.

Bên cạnh đó, Trung tâm triển khai nhiều chương trình đào tạo và bồi dưỡng Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn, Tiếng Nhật (cơ bản, nâng cao, chuyên ngành), chương trình biên phiên dịch, chương trình đào tạo và bồi dưỡng các kỹ năng: đàm phán, thuyết trình, phản biện, lãnh đạo và quản lý, ... đáp ứng các nhu cầu đa dạng của xã hội.

## **16. THÔNG TIN TÀI CHÍNH NĂM HỌC LIÊN KÈ TRƯỚC NĂM TUYỂN SINH**

Học viện Ngoại giao là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo 100% chi thường xuyên.

- Tổng các nguồn thu hợp pháp năm 2021: 86.036.134.533 VNĐ. Trong đó:

- Nguồn thu học phí: 65.171.029.964 VNĐ.
- Nguồn ngân sách cấp: 20.865.104.569 VNĐ (*kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện các nhiệm vụ chính trị, bao gồm: Nghiên cứu khoa học, Đào tạo Lưu học sinh Lào - Campuchia, Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ và các hoạt động khác*).

- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm từ nguồn kinh phí tự chủ của Học viện:

- Chương trình tiêu chuẩn: 17.373.127 VNĐ/1 sinh viên/năm.
- Chương trình chất lượng cao: 38.628.483 VNĐ/1 sinh viên/năm.

*Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2022*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
Q. GIÁM ĐỐC**

*(đã ký)*

**TS. Phạm Lan Dung**

**Phụ lục 1: Danh sách giảng viên Học viện Ngoại giao tham gia giảng dạy trình độ đại học**

(Bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên theo quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức danh khoa học	Chuyên môn đào tạo	Tên ngành tham gia giảng dạy đại học
1	Nguyễn Lương Diệu An	Thạc sĩ		Truyền thông	Truyền thông quốc tế
2	Phan Vũ Tuấn Anh	Tiến sĩ		Ngôn ngữ học ứng dụng, Quan hệ quốc tế	Châu Á - Thái Bình Dương học
3	Lê Đức Anh	Thạc sĩ		Nghiên cứu văn hóa Đông Á	Châu Á - Thái Bình Dương học
4	Vũ Phương Anh	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Châu Á - Thái Bình Dương học
5	Nguyễn Thùy Anh	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Kinh doanh quốc tế
6	Trịnh Ngọc Hoài Anh	Thạc sĩ		Quản trị toàn cầu	Kinh doanh quốc tế
7	Phạm Thị Mai Anh	Thạc sĩ		Chính sách công	Kinh tế quốc tế
8	Hoàng Thị Ngọc Anh	Thạc sĩ		Luật quốc tế	Luật quốc tế
9	Nguyễn Thị Lan Anh	Tiến sĩ	PGS	Luật, Luật quốc tế, thương mại và Châu Âu	Luật Thương mại Quốc tế
10	Lý Vân Anh	Tiến sĩ		Luật	Luật Thương mại Quốc tế
11	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Tiến sĩ		Luật	Luật Thương mại Quốc tế
12	Nguyễn Lê Ngọc Anh	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
13	Nguyễn Tuấn Anh	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế, Sư phạm Giáo dục thể chất	Quan hệ quốc tế
14	Vũ Tuấn Anh	Tiến sĩ		Truyền thông	Truyền thông quốc tế
15	Nguyễn Đồng Anh	Thạc sĩ		Quản trị dự án truyền thông	Truyền thông quốc tế
16	Đỗ Thị Thanh Bình	Tiến sĩ		Lịch sử Quan hệ quốc tế và Chính sách đối ngoại	Kinh tế quốc tế
17	Lại Thái Bình	Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế	Luật Thương mại Quốc tế
18	Khổng Thị Bình	Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế	Ngôn ngữ Anh
19	Nguyễn Phương Bình	Tiến sĩ	PGS	Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
20	Nguyễn Văn Bình	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
21	Lê Thanh Bình	Tiến sĩ	PGS	Văn hóa, Báo chí	Truyền thông quốc tế

22	Bạch Thanh Bình	Tiến sĩ		Triết học	Truyền thông quốc tế
23	Trần Quang Châu	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
24	Trần Bảo Châu	Thạc sĩ		Truyền thông chuyên nghiệp	Truyền thông quốc tế
25	Chu Quỳnh Chi	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Châu Á - Thái Bình Dương học
26	Đặng Quốc Chí	Thạc sĩ		Giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
27	Nguyễn Đức Chính	Thạc sĩ		Quản lý công	Luật Thương mại Quốc tế
28	Nguyễn Tiến Cường	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Kinh tế quốc tế
29	Nguyễn Quốc Cường	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế, Luật quốc tế và Ngoại giao	Luật quốc tế
30	Trần Thị Linh Đa	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Truyền thông quốc tế
31	Võ Ngọc Diệp	Thạc sĩ		Luật quốc tế	Luật quốc tế
32	Nguyễn Thọ Đức	Tiến sĩ		Văn học Trung Quốc, Hán học	Châu Á - Thái Bình Dương học
33	Đình Nguyên Đức	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
34	Phạm Lan Dung	Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế, Luật và Ngoại giao	Luật quốc tế
35	Chu Kim Dung	Thạc sĩ		Giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
36	Đoàn Thị Phương Dung	Thạc sĩ		Nghiên cứu hòa bình và xung đột	Truyền thông quốc tế
37	Đặng Trung Dũng	Thạc sĩ		Ngôn ngữ học ứng dụng	Ngôn ngữ Anh
38	Nguyễn Huy Dũng	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Ngôn ngữ Anh
39	Nguyễn Thùy Dương	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
40	Nguyễn Nam Dương	Tiến sĩ	PGS	Chính trị học, Quan hệ quốc tế	Luật quốc tế
41	Trần Thị Thùy Dương	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
42	Luận Thùy Dương	Tiến sĩ		Lịch sử	Truyền thông quốc tế
43	Nguyễn Thùy Dương	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Truyền thông quốc tế
44	Nguyễn Hải Duyên	Thạc sĩ		Luật quốc tế	Luật quốc tế
45	Hàn Lam Giang	Thạc sĩ		Kinh tế quốc tế, Chính sách công	Kinh tế quốc tế
46	Bùi Hương Giang	Thạc sĩ		Luật	Luật quốc tế
47	Nguyễn Thị Ngân Giang	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế

48	Nguyễn Đỗ Ngân Giang	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế, Nghiên cứu châu Âu	Truyền thông quốc tế
49	Lâm Thanh Hà	Tiến sĩ		Quản lý kinh tế, Thương mại quốc tế	Kinh doanh quốc tế
50	Nguyễn Ngọc Hà	Thạc sĩ		Tài chính	Kinh tế quốc tế
51	Đỗ Hải Hà	Thạc sĩ		Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Anh
52	Nguyễn Thị Thanh Hải	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Châu Á - Thái Bình Dương học
53	Trần Thị Vân Hải	Thạc sĩ		Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế
54	Đỗ Sơn Hải	Tiến sĩ	PGS	Lịch sử Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
55	Đỗ Thanh Hải	Tiến sĩ		Khoa học chính trị và QHQT, Chính sách công	Truyền thông quốc tế
56	Lê Thị Ngọc Hân	Tiến sĩ		Nghiên cứu xung đột	Quan hệ quốc tế
57	Trương Thị Thu Hằng	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
58	Nguyễn Thúy Hằng	Thạc sĩ		Quản lý công	Kinh tế quốc tế
59	Lê Thị Thu Hằng	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Luật quốc tế
60	Ngô Minh Hằng	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Luật quốc tế
61	Trương Thị Hằng	Thạc sĩ		Luật	Luật Thương mại Quốc tế
62	Ngô Diễm Hằng	Thạc sĩ		Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Anh
63	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thạc sĩ		Giảng dạy Anh ngữ	Ngôn ngữ Anh
64	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
65	Hoàng Văn Hanh	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế, Luật và Ngoại giao	Ngôn ngữ Anh
66	Hồ Thị Hồng Hạnh	Thạc sĩ		Chính sách và chính trị Châu Âu	Luật Thương mại Quốc tế
67	Nguyễn Thị Hạnh	Tiến sĩ	PGS	Lịch sử	Quan hệ quốc tế
68	Ngô Thị Thanh Hào	Thạc sĩ		Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế
69	Đỗ Tư Hiền	Thạc sĩ		Ngôn ngữ văn tự hán	Châu Á - Thái Bình Dương học
70	Nguyễn Thị Minh Hiền	Thạc sĩ		Kinh tế Tài chính	Kinh tế quốc tế
71	Nguyễn Tuấn Hiệp	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế và hành chính công	Truyền thông quốc tế
72	Nguyễn Thị Thu Hoàn	Thạc sĩ		Phát triển quốc tế	Kinh tế quốc tế
73	Đỗ Mạnh Hoàng	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế

74	Nguyễn Thái Học	Thạc sĩ		Giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
75	Quách Quang Hồng	Tiến sĩ		Lịch sử thế giới	Châu Á - Thái Bình Dương học
76	Vũ Dương Huân	Tiến sĩ	Giáo sư	Chính trị học, Sử học	Quan hệ quốc tế
77	Đoàn Xuân Hưng	Thạc sĩ		Kinh tế học phát triển	Kinh tế quốc tế
78	Lê Quang Hưng	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Truyền thông quốc tế
79	Nguyễn Thái Yên Hương	Tiến sĩ	Giáo sư	Lịch sử thế giới cận và hiện đại, Quan hệ quốc tế	Châu Á - Thái Bình Dương học
80	Hoàng Mai Hương	Thạc sĩ		Đông phương học	Châu Á - Thái Bình Dương học
81	Ngô Thị Thu Hương	Thạc sĩ		Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế
82	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Kinh doanh quốc tế
83	Tào Thị Thanh Hương	Thạc sĩ		Chính sách công quốc tế, Ngoại giao và kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế
84	Nguyễn Thị Lan Hương	Thạc sĩ		Luật quốc tế	Luật Thương mại Quốc tế
85	Kiều Thị Thu Hương	Tiến sĩ	PGS	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh
86	Tôn Thị Ngọc Hương	Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế	Ngôn ngữ Anh
87	Nguyễn Phú Tân Hương	Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
88	Trần Thanh Hương	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
89	Trần Thị Hương	Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế, Giảng dạy tiếng Anh	Truyền thông quốc tế
90	Chu Công Huy	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
91	Quách Thị Huyền	Thạc sĩ		Luật quốc tế	Luật quốc tế
92	Vũ Thanh Huyền	Thạc sĩ		Chính sách công	Ngôn ngữ Anh
93	Vũ Đoàn Kết	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
94	Lê Văn Khánh	Thạc sĩ		Giảng dạy tiếng Anh cho người phi bản ngữ	Ngôn ngữ Anh
95	Lê Trung Kiên	Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế, Chính sách công	Kinh doanh quốc tế
96	Nguyễn Thị Thanh Lam	Thạc sĩ		Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế
97	Ngô Tùng Lâm	Thạc sĩ		Truyền thông và PR	Truyền thông quốc tế
98	Hoàng Tùng Lan	Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế	Châu Á - Thái Bình Dương học
99	Hoàng Thị Lan	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Châu Á - Thái Bình Dương học

100	Đỗ Mai Lan	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
101	Nguyễn Văn Lịch	Tiến sĩ	PGS	Kinh tế chính trị	Kinh tế quốc tế
102	Trần Thị Thanh Liên	Tiến sĩ		Châu Á - Thái Bình Dương học	Châu Á - Thái Bình Dương học
103	Phạm Hải Liên	Thạc sĩ		Giáo dục học	Truyền thông quốc tế
104	Nguyễn Thị Hà Lily	Tiến sĩ		Giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
105	Nguyễn Thùy Linh	Thạc sĩ		Ngôn ngữ học ứng dụng	Châu Á - Thái Bình Dương học
106	Đặng Hoàng Linh	Tiến sĩ	PGS	Địa kinh tế, Quản lý xí nghiệp	Kinh tế quốc tế
107	Bùi Thùy Linh	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
108	Nguyễn Thị Linh	Thạc sĩ		Chính sách công quốc tế	Quan hệ quốc tế
109	Doãn Mai Linh	Tiến sĩ		Lịch sử Quan hệ quốc tế và Chính sách đối ngoại, Quan hệ quốc tế và Kinh tế quốc tế	Truyền thông quốc tế
110	Nguyễn Thế Hồng Lược	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
111	Đinh Thị Hiền Lương	Tiến sĩ		Nghiên cứu An ninh quốc tế	Châu Á - Thái Bình Dương học
112	Nguyễn Phương Ly	Thạc sĩ		Chính trị quốc tế và Châu Âu	Quan hệ quốc tế
113	Phạm Hoa Mai	Thạc sĩ		Hàn Quốc học, Giảng dạy tiếng Hàn	Châu Á - Thái Bình Dương học
114	Hoàng Thị Phương Mai	Thạc sĩ		Luật quốc tế	Luật quốc tế
115	Lê Thanh Mai	Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế	Ngôn ngữ Anh
116	Lê Như Mai	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Truyền thông quốc tế
117	Ngô Đức Mạnh	Tiến sĩ		Luật học	Luật Thương mại Quốc tế
118	Nguyễn Thùy Minh	Tiến sĩ		Khoa học chính trị	Luật quốc tế
119	Trần Hữu Duy Minh	Thạc sĩ		Luật quốc tế, Quan hệ quốc tế	Luật quốc tế
120	Nguyễn Thị Hồng Nam	Tiến sĩ		Lịch sử	Truyền thông quốc tế
121	Ngô Duy Ngộ	Tiến sĩ		Kinh tế	Kinh doanh quốc tế
122	Nguyễn Thị Cát Ngọc	Tiến sĩ		Nghiên cứu quốc tế	Ngôn ngữ Anh
123	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Tiến sĩ		Lịch sử Quan hệ quốc tế và Chính sách đối ngoại	Truyền thông quốc tế
124	Nguyễn Hồng Ngự	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Truyền thông quốc tế
125	Trần Minh Nguyệt	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Ngôn ngữ Anh



126	Trần Ngọc Ninh	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Truyền thông quốc tế
127	Hoàng Thị Tuấn Oanh	Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
128	Nguyễn Tiên Phong	Thạc sĩ		Kinh tế học	Kinh tế quốc tế
129	Trịnh Minh Phương	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
130	Nguyễn Thị Minh Phương	Tiến sĩ		Kinh tế quốc tế	Luật Thương mại Quốc tế
131	Nguyễn Minh Phương	Thạc sĩ		Ngoại giao, Luật pháp và Biến động thế giới	Truyền thông quốc tế
132	Đỗ Thị Thu Phượng	Thạc sĩ		Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	Châu Á - Thái Bình Dương học
133	Nguyễn Thị Phượng	Thạc sĩ		Luật	Luật Thương mại Quốc tế
134	Nguyễn Tâm Quang	Thạc sĩ		Ngoại thương, Kinh tế học	Châu Á - Thái Bình Dương học
135	Dương Văn Quảng	Tiến sĩ	PGS	Văn học, Ngôn ngữ báo chí	Truyền thông quốc tế
136	Nguyễn Nữ Hoàng Quý	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
137	Đặng Đình Quý	Tiến sĩ	PGS	Quan hệ quốc tế	Truyền thông quốc tế
138	Phạm Thị Quyên	Thạc sĩ		Giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
139	Nguyễn Đình Sách	Thạc sĩ		Chính sách công	Kinh doanh quốc tế
140	Nguyễn Hùng Sơn	Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế	Kinh doanh quốc tế
141	Nguyễn Việt Sơn	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
142	Phạm Hoàng Sơn	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
143	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế, Kinh tế đối ngoại	Kinh tế quốc tế
144	Mai Thị Hồng Tâm	Tiến sĩ		Khoa học chính trị	Ngôn ngữ Anh
145	Lê Ngọc Tân	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
146	Trần Việt Thái	Tiến sĩ	PGS	Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
147	Lê Tuấn Thanh	Tiến sĩ		Lịch sử	Châu Á - Thái Bình Dương học
148	Nguyễn Hoàng Như Thanh	Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế	Luật Thương mại Quốc tế
149	Nguyễn Tuyết Thanh	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Truyền thông quốc tế
150	Nguyễn Vinh Thành	Tiến sĩ		Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
151	Tôn Sinh Thành	Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế	Ngôn ngữ Anh

152	Đỗ Đức Thành	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
153	Nguyễn Hồng Thao	Tiến sĩ	PGS	Luật quốc tế và tổ chức quốc tế	Luật quốc tế
154	Chu Minh Thảo	Tiến sĩ		Khoa học chính trị	Quan hệ quốc tế
155	Nguyễn Cẩm Thảo	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
156	Bùi Hải Thiêm	Tiến sĩ		Khoa học chính trị, Nghiên cứu quốc tế và Ngoại giao	Luật quốc tế
157	Nguyễn Thị Thìn	Thạc sĩ		Giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
158	Nguyễn Tiến Thịnh	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế, Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
159	Nguyễn Văn Thơ	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
160	Nguyễn Thị Xuân Thu	Tiến sĩ		Kinh tế, Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế
161	Tô Minh Thu	Tiến sĩ		Chính sách công quốc tế	Kinh tế quốc tế
162	Nguyễn Minh Thu	Thạc sĩ		Ngôn ngữ học ứng dụng, Quan hệ quốc tế	Ngôn ngữ Anh
163	Đình Thị Thu	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
164	Vũ Vân Thu	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
165	Lê Anh Thu	Thạc sĩ		Lịch sử	Châu Á - Thái Bình Dương học
166	Phạm Duy Thực	Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế	Kinh tế quốc tế
167	Đỗ Thị Thủy	Tiến sĩ	PGS	Quan hệ quốc tế	Châu Á - Thái Bình Dương học
168	Trần Trường Thủy	Tiến sĩ		Lịch sử	Luật quốc tế
169	Phan Thanh Thủy	Thạc sĩ		Văn học	Truyền thông quốc tế
170	Trần Thu Thủy	Thạc sĩ		Truyền thông Marketing	Truyền thông quốc tế
171	Vương Thị Thanh Thủy	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Truyền thông quốc tế
172	Vũ Quang Tiệp	Thạc sĩ		Kinh tế chính trị	Luật Thương mại Quốc tế
173	Lê Đình Tĩnh	Tiến sĩ	PGS	Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
174	Nguyễn Thị Toan	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Kinh tế quốc tế
175	Phạm Quốc Toàn	Thạc sĩ		Phát triển du lịch	Truyền thông quốc tế
176	Trần Thị Khánh Trà	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
177	Phan Thị Hoài Trang	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế, Hán ngữ thương mại quốc tế	Châu Á - Thái Bình Dương học

178	Nguyễn Minh Trang	Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế	Kinh tế quốc tế
179	Ngô Thị Trang	Thạc sĩ		Luật quốc tế và Kinh tế quốc tế	Luật Thương mại Quốc tế
180	Đỗ Huyền Trang	Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế, Quản trị kinh doanh, Truyền thông Marketing	Truyền thông quốc tế
181	Nguyễn Huyền Trang	Thạc sĩ		Báo chí quốc tế	Truyền thông quốc tế
182	Triệu Nguyễn Huyền Trang	Thạc sĩ		Truyền thông số và xuất bản	Truyền thông quốc tế
183	Đặng Cẩm Tú	Tiến sĩ	PGS	Chính trị học và Quan hệ quốc tế	Châu Á - Thái Bình Dương học
184	Lại Anh Tú	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Kinh doanh quốc tế
185	Vũ Thị Thanh Tú	Thạc sĩ		Luật hợp tác kinh tế quốc tế	Kinh doanh quốc tế
186	Nguyễn Anh Tuấn	Tiến sĩ	PGS	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế
187	Hà Anh Tuấn	Tiến sĩ	PGS	Chính trị học và Quan hệ quốc tế	Luật quốc tế
188	Hoàng Anh Tuấn	Tiến sĩ	PGS	Quan hệ quốc tế, Luật và Ngoại giao	Luật quốc tế
189	Tô Anh Tuấn	Tiến sĩ		Lịch sử thế giới hiện đại, Nhà nước và Chính trị, Ngoại giao và Pháp luật quốc tế	Luật Thương mại Quốc tế
190	Phạm Thanh Tùng	Thạc sĩ		Luật hợp tác kinh tế và kinh doanh quốc tế	Luật Thương mại Quốc tế
191	Nguyễn Vũ Tùng	Tiến sĩ	Giáo sư	Chính trị học	Quan hệ quốc tế
192	Nguyễn Tuấn Việt	Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế, Sư phạm, Giảng dạy tiếng Anh	Quan hệ quốc tế
193	Phạm Thái Việt	Tiến sĩ	PGS	Triết học (logic)	Truyền thông quốc tế
194	Phạm Quang Vinh	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
195	Phạm Quang Vinh	Thạc sĩ		Báo chí, Quan hệ quốc tế	Truyền thông quốc tế
196	Nguyễn Trung Vũ	Thạc sĩ		Luật kinh doanh quốc tế	Luật Thương mại Quốc tế
197	Lê Ý Xuân	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
198	Trịnh Hải Yến	Tiến sĩ		Luật, Luật và ngoại giao	Luật Thương mại Quốc tế
199	Nguyễn Thị Hải Yến	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Ngôn ngữ Anh
200	Lý Thị Hải Yến	Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế, Báo chí	Truyền thông quốc tế
201	Nguyễn Hải Yến	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Truyền thông quốc tế
<b>Tổng số giảng viên toàn trường</b>				<b>201</b>	

**Phụ lục 2: Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy trình độ đại học**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Chuyên môn được đào tạo</b>	<b>Tên ngành đại học</b>
1.	Lê Phương Anh	Thạc sĩ		TESOL	Ngôn ngữ Anh
2.	Nguyễn Thị Vân Anh	Tiến sĩ		Quản lý kinh tế	Kinh doanh quốc tế
3.	Trần Thị Quỳnh Anh	Thạc sĩ		TESOL	Ngôn ngữ Anh
4.	Lê Hải Bình	Tiến sĩ	PGS	Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế
5.	Vũ Thế Cường	Thạc sĩ		Báo chí học	Truyền thông quốc tế
6.	Trần Thị Quỳnh Diễm	Tiến sĩ		Chính trị học (chuyên ngành HCM học)	Giảng dạy môn chung
7.	Lương Thị Phương Diệp	Thạc sĩ		Báo chí học	Truyền thông quốc tế
8.	Trần Ngọc Diệp	Thạc sĩ		Luật	Kinh tế quốc tế
9.	Lê Vũ Diệp	Tiến sĩ		Báo chí học	Truyền thông quốc tế
10.	Trương Đức Định	Tiến sĩ		Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
11.	Lưu Tiến Dũng	Tiến sĩ		Luật học	Luật quốc tế
12.	Vũ Thùy Dương	Thạc sĩ		Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh
13.	Đặng Thị Phương Duyên	Tiến sĩ		Triết học	Giảng dạy môn chung
14.	Nguyễn Ngọc Hà	Tiến sĩ		Luật thương mại quốc tế	Luật quốc tế
15.	Nguyễn Thu Hà	Thạc sĩ		Tesol	Ngôn ngữ Anh
16.	Phùng Việt Hà	Tiến sĩ		Kinh tế	Kinh tế quốc tế
17.	Hoàng Hải	Tiến sĩ		Kinh tế	Kinh doanh quốc tế
18.	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Tiến sĩ		Công pháp Quốc tế	Luật quốc tế
19.	Trần Thị Hạnh	Tiến sĩ	PGS	Triết học	Giảng dạy môn chung
20.	Ngô Thị Hồng Hạnh	Thạc sĩ		Báo chí	Truyền thông quốc tế
21.	Lê Đức Hạnh	Tiến sĩ		Luật, Luật Quốc tế	Luật quốc tế
22.	Nguyễn Thị Hiền	Thạc sĩ		Triết học	Giảng dạy môn chung
23.	Bùi Đăng Hiếu	Tiến sĩ	PGS	Luật dân sự	Luật quốc tế
24.	Đỗ Phương Hoa	Thạc sĩ		TESOL	Ngôn ngữ Anh
25.	Phạm Thị Hoa	Tiến sĩ		Chính trị học	Quan hệ quốc tế
26.	Nguyễn Thiện Hoàng	Thạc sĩ		Tesol	Ngôn ngữ Anh

27.	Đào Xuân Hội	Tiến sĩ		Luật Kinh tế	Luật quốc tế
28.	Lâm Tuấn Hưng	Tiến sĩ		Kinh tế	Kinh tế quốc tế
29.	Lê Quang Hưng	Thạc sĩ		Luật Quốc tế, Giải quyết tranh chấp quốc tế	Luật quốc tế
30.	Nguyễn Việt Hưng	Thạc sĩ		Kinh tế đối ngoại	Quan hệ quốc tế
31.	Phạm Ngọc Hưng	Tiến sĩ		Kinh tế	Kinh tế quốc tế
32.	Hà Thị Dáng Hương	Tiến sĩ		Triết học	Giảng dạy môn chung
33.	Phí Công Huy	Thạc sĩ		Đa phương tiện	Truyền thông quốc tế
34.	Nguyễn Thị Thương Huyền	Tiến sĩ		Báo chí học	Truyền thông quốc tế
35.	Bùi Thị Huyền	Tiến sĩ	PGS	Luật dân sự	Luật quốc tế
36.	Trần Thị Thuỳ Linh	Thạc sĩ		Kinh tế	Kinh doanh quốc tế
37.	Lê Như Mai	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế (IR)	Ngôn ngữ Anh
38.	Lã Nguyễn Bình Minh	Thạc sĩ		Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
39.	Đỗ Giang Nam	Tiến sĩ		Luật học	Luật quốc tế
40.	Nguyễn Danh Nghĩa	Thạc sĩ		TESOL	Ngôn ngữ Anh
41.	Phạm Văn Nghĩa	Thạc sĩ		Toán	Kinh tế quốc tế
42.	Nguyễn Văn Nguyên	Tiến sĩ		Khoa học chính trị (chuyên ngành chính trị học)	Giảng dạy môn chung
43.	Vũ Thị Hồng Nhung	Tiến sĩ		Triết học	Giảng dạy môn chung
44.	Vũ Hoài Phương	Tiến sĩ		Ngôn ngữ học	Truyền thông quốc tế
45.	Trần Thị Thu Phương	Tiến sĩ	PGS	Luật	Kinh tế quốc tế
46.	Nguyễn Hưng Quang	Thạc sĩ		Luật học, Quản trị Kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
47.	Nguyễn Quý Tâm	Thạc sĩ		Biên/Phiên dịch	Ngôn ngữ Anh
48.	Vũ Minh Tâm	Thạc sĩ		TESOL	Ngôn ngữ Anh
49.	Hoàng Văn Thắng	Thạc sĩ		Toán học	Kinh tế quốc tế
50.	Đỗ Phương Thảo	Tiến sĩ		Luật kinh tế	Luật quốc tế
51.	Đồng Thị Kim Thoa	Thạc sĩ		Luật học	Luật quốc tế
52.	Mai Anh Thư	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Truyền thông quốc tế
53.	Trần Thị Thu Thương	Thạc sĩ		TEFL	Ngôn ngữ Anh
54.	Nguyễn Thị Thu Thủy	Tiến sĩ		Lịch sử chuyên ngành	Quan hệ quốc tế
55.	Bùi Thị Hồng Thúy	Tiến sĩ		Lịch sử Đảng	Giảng dạy môn chung
56.	Trần Thị Hồng Thúy	Tiến sĩ		Triết học	Truyền thông quốc tế

57.	Phạm Văn Thủy	Tiến sĩ		Lịch sử	Quan hệ quốc tế
58.	Phạm Thị Thanh Tịnh	Tiến sĩ		Báo chí học	Truyền thông quốc tế
59.	Phạm Huyền Trang	Thạc sĩ		Kinh tế thế giới và Quan hệ KTQT	Kinh tế quốc tế
60.	Đào Ngọc Tuấn	Tiến sĩ		Triết học	Truyền thông quốc tế
61.	Bùi Anh Tuấn	Thạc sĩ		Báo chí học	Truyền thông quốc tế
62.	Đỗ Thị Kim Tuyền	Thạc sĩ		Kinh tế chính trị	Giảng dạy môn chung
<b>Tổng số giảng viên toàn trường</b>				<b>62</b>	